

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**HOÀNG ĐỨC NHÃ**

**QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

*Chuyên ngành: Quyền con người*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Công Giao*

**HÀ NỘI, 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.*

**Tác giả luận văn**

**HOÀNG ĐỨC NHÃ**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	.....	1
<b>Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VỀ QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>		6
1.1 Khái niệm, đặc điểm của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội .....		6
1.2 Nội hàm, giới hạn của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội theo luật nhân quyền quốc tế.....		14
1.3 Khuôn khổ pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội .....		18
1.4 Khuôn khổ pháp luật của một số quốc gia về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội		23
<b>Chương 2 THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>		29
2.1 Các yếu tố tác động đến việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam		29
2.2 Thực trạng về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam		33
2.3 Một số vấn đề đặt ra trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay		46
<b>Chương 3 QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>		54
3.1 Quan điểm		54
3.2 Các nhóm giải pháp đảm bảo quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay		57
<b>KẾT LUẬN</b>		68
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>		70

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLDS	: Bộ luật Dân sự
MTTQVN	: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
Nxb	: Nhà xuất bản
KT – XH -VH	: Kinh tế - xã hội – văn hóa
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tự do ngôn luận, tự do báo chí là vấn đề mang tính toàn cầu. Nó không chỉ là quyền con người cơ bản, mà còn là nhu cầu thiết yếu trong tiến trình tồn tại và phát triển của mỗi dân tộc, nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

Tự do ngôn luận là nền tảng mà không có nó, nhiều quyền con người khác cũng không thực hiện được. Nó là một quyền cơ bản của con người không phân biệt về văn hóa, chính trị, tôn giáo, dân tộc hay các yếu tố khác. Quyền được giữ quan điểm và tự do ngôn luận là cơ sở để thực hiện đầy đủ nhiều quyền con người khác, ví dụ để hưởng quyền tự do hội họp, lập hội, quyền bầu cử, ứng cử thì quyền tự do ngôn luận là cơ sở để con người thực hiện đầy đủ các quyền này.

Cũng như các quyền con người nói chung, quyền tự do ngôn luận, báo chí có mối quan hệ chặt chẽ với các quyền khác, đó là quyền bất khả xâm phạm về đời tư và nhân thân; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; quyền của người thiểu số đều có nội dung, yêu cầu được bảo đảm quyền giữ quan điểm riêng và quyền tự do ngôn luận. Hơn nữa, các quyền con người khác lại là cơ sở, thậm chí là điều kiện quan trọng và thiết yếu để quyền tự do ngôn luận được thực hiện, ví dụ quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền tự do và an ninh cá nhân; quyền tiếp cận thông tin.

Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1982. Việc nội luật hoá các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia được Việt Nam thực hiện theo những lộ trình nhất định. Quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền quan trọng của con người. Bởi vậy, quyền này được bảo vệ không chỉ ở cấp độ đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất của quốc gia là Hiến pháp mà còn được chi tiết hóa trong các văn bản luật của Việt Nam. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946, quyền tự do ngôn luận đã được đề cập tại Điều 10 như sau: “Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận, Tự do xuất bản, Tự do tổ chức và hội họp, Tự do tín ngưỡng, Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài”.

Tự do ngôn luận theo cách truyền thống được thể hiện qua báo chí và những hình thức biểu đạt mang tính chất cá nhân khác. Tuy nhiên, cùng với thời gian, các mạng xã hội xuất hiện, trở thành một công cụ hữu dụng để mọi người thể hiện quyền tự do ngôn luận. Mặc dù vậy, đi kèm với tính hữu dụng đó là những vấn đề pháp lý, xã hội đặt ra về giới hạn và sự kiểm soát tự do ngôn luận trên mạng xã hội. Đây là một vấn đề không chỉ đặt ra ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, vấn đề này vẫn còn nhiều khía cạnh gây tranh cãi, cần được nghiên cứu để ra các giải pháp.

Ở Việt Nam, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm mục đích vì con người, bảo đảm các quyền cơ bản của con người, trong đó có quyền tự do ngôn luận, hiện là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự nghiệp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực thi Hiến pháp năm 2013. Trong bối cảnh đó, học viên quyết định chọn vấn đề “Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay” để thực hiện luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quyền con người, với mong muốn góp phần giải quyết những tồn tại, vướng mắc, thúc đẩy sự bảo đảm quyền này ở nước ta trong thời gian tới.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Bàn về vấn đề quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội, đến nay đã có một số công trình khoa học nghiên cứu ở những phạm vi khác nhau; được đề cập trong nhiều đề tài, bài viết, một số luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ. Tiêu biểu trong đó là: Cuốn sách “*Hỏi đáp về quyền con người*”, xb 2011, Nxb Hồng Đức; “*Giới hạn chính đáng đối với các quyền con người, quyền công dân trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*”, Khoa luật ĐH Quốc gia Hà Nội, xb 2015, Nxb Hồng Đức; “*Không gian mạng – Tương lai và hành động*”, Đại tướng, GS.TS Trần Đại Quang, xb 2015, Nxb Công an Nhân dân; “*Các văn kiện quốc tế về quyền con người*”, Viện Nghiên cứu Quyền con người, xb 2002, Nxb Chính trị Quốc gia; Luận án “*Hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay*”, Phí Thị Thanh Tâm; “*Mạng xã hội và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước*”, ThS. Quyển Thị Quyên; Th.S Vũ Thị Thùy Dung; Tạp chí Quản lý Nhà nước – số 209 (T6/2013); “*Việt Nam với việc nội luật hóa quy định của pháp luật quốc tế về quyền tự do ngôn luận*”, Chu Thị Thúy Hằng, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 31, Số 3 (2015); “*Ảnh hưởng của*

*truyền thông xã hội đến môi trường báo chí Việt Nam*”, Nguyễn Khắc Giang, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 31, Số 1 (2015); “*Mạng xã hội: Khái niệm, đặc điểm, tính năng, áp lực và ý nghĩa trong thực tiễn và nghiên cứu*”, GS.TS Trần Hữu Luyến - Th.S Đặng Hoàng Ngân, Tạp chí Tâm lý học số 7 (184); “*Một số vấn đề về quyền con người liên quan tới tội tuyên truyền chống nhà nước*” Báo cáo nghiên cứu khoa học, khoa Luật ĐH Quốc gia Hà Nội...

Các công trình nêu trên đã cung cấp một lượng kiến thức, thông tin khá lớn về đề tài luận văn. Mặc dù vậy, hầu hết các công trình đó mới tập trung đề cập đến cơ sở lý luận chung về ngôn luận, quyền tự do ngôn luận, quyền con người trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin. Về vấn đề quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội chưa được công trình nào đề cập đầy đủ và rõ nét.

Như vậy, việc nghiên cứu đề tài này vẫn có tính cấp thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn .

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Luận văn nhằm làm rõ các vấn đề lý luận và thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở trên thế giới và ở Việt Nam, qua đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

Để thực hiện được mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội .

- Phân tích khuôn khổ pháp luật hiện hành liên quan đến quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam, đánh giá về tính tương thích với các tiêu chuẩn của luật nhân quyền quốc tế.

- Phân tích đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, tâm lý tác động đến thực hiện quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội của người dân ở nước ta hiện nay.

- Đề xuất phương hướng, giải pháp đẩy mạnh và hoàn thiện hành lang pháp lý đảm bảo quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận, pháp lý và thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta hiện nay.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài*

*Về nội dung*, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội, không mở rộng đến các quyền con người khác.

*Về không gian*, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng bảo đảm Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam, không mở rộng đến các quốc gia khác.

*Về thời gian*, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam trong thời gian từ năm 1997 đến nay.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn vận dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về quyền con người, quyền công dân.

Luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu phổ biến của khoa học xã hội để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Cụ thể:

- Các phương pháp tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu hiện có và các tài liệu khác để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội (ở Chương I).

- Các phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh các tài liệu, báo cáo chuyên môn của các cơ quan nhà nước, và phương pháp quan sát thực tế để đánh giá thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta hiện nay (ở Chương II).

- Các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta trong thời gian tới (ở Chương III).



## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn là công trình nghiên cứu đầu tiên về bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam. Luận văn cũng là một trong số rất ít công trình nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thực trạng bảo đảm quyền tự do ngôn luận nói chung ở nước ta.

Vì vậy, luận văn cung cấp nhiều kiến thức, thông tin, luận điểm và đề xuất mới có giá trị tham khảo với việc thúc đẩy quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, luận văn có thể được sử dụng là nguồn tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu chuyên ngành quyền con người ở Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và các cơ sở đào tạo khác của nước ta.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận văn gồm 3 chương như sau :

Chương 1: Cơ sở lý luận, pháp lý về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay

Chương 2: Thực trạng về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Quan điểm, giải pháp đảm bảo quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

## Chương 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VỀ QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 1.1 Khái niệm, đặc điểm của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của mạng xã hội

##### 1.1.1.1. Khái niệm mạng xã hội

Đầu thế kỷ XXI, Web 2.0 ra đời đã thực sự mang lại cuộc cách mạng trong việc truy cập và sử dụng Internet, vì trên cơ sở đó, mạng xã hội đã bùng nổ và thâm nhập sâu rộng vào cuộc sống của con người. Nó mang lại cho người sử dụng sự chủ động trong việc tạo và định hướng nội dung, góp phần xây dựng nên các cộng đồng ảo với những tính chất và hoạt động của một “cộng đồng thực”. Sự phát triển của công nghệ thông tin, Internet, sự nở rộ của mạng xã hội đã làm cho cuộc sống của con người liền mạch với “thế giới ảo”. Đó là cuộc cách mạng không chỉ về công nghệ mà còn ở cách thức sử dụng, trong đó mọi người cùng tham gia đóng góp cho xã hội ảo tạo thành một môi trường cộng đồng, chứ không chỉ đơn thuần “duyet và xem” như trước đây. Mạng xã hội đã và đang dần trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Nó mang đến cho con người cơ hội được kết nối một cách dễ dàng, để chia sẻ sở thích, thói quen và suy nghĩ... Mạng xã hội ngày càng phát triển rộng khắp và chứng tỏ sức hút và vai trò của mình trong mọi mặt của đời sống xã hội như: thương mại, học tập, giải trí.

Mạng xã hội, hay gọi là mạng xã hội ảo, (tiếng Anh: *social network*) là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau cho nhiều mục đích, không phân biệt không gian và thời gian. Dịch vụ mạng xã hội về bản chất có nền tảng là một trang trực tuyến mà tập trung vào xây dựng và phản ánh mạng mối quan hệ xã hội giữa người với người, dựa trên sự tương đồng về sở thích, môi trường hoặc lĩnh vực hoạt động giữa những thành viên. Một mạng xã hội trực tuyến bao gồm một thể hiện của mỗi người dùng (thường là một hồ sơ (*profile*)) và các mối quan hệ xã hội của người ấy và một loạt dịch vụ phụ thêm khác.

Hầu hết các dịch vụ mạng xã hội dựa trên nền tảng web và cung cấp các công cụ cho người dùng tương tác trên mạng Internet, như là thư điện tử hoặc tin nhắn. Các dịch vụ cộng đồng trực tuyến (*online community services*), chẳng hạn như các diễn đàn (*forum*) đôi khi cũng được coi là các mạng xã hội, mặc dù trong ngữ cảnh rộng hơn, dịch vụ mạng xã hội (*social network service*) thường dùng để chỉ dịch vụ hướng đến mỗi cá nhân làm trung tâm, trong khi dịch vụ cộng đồng trực tuyến (*online community services*) lấy nhóm làm trung tâm (được cấu trúc theo các chủ đề hoặc sở thích của nhóm chứ không theo các cá nhân). Các trang mạng xã hội cho phép người dùng chia sẻ ý tưởng, hoạt động sự kiện và sở thích trong mạng lưới của riêng họ. [20, tr.5]

Tiếp cận từ góc độ xã hội học, mạng lưới xã hội được hiểu là một tập hợp các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội. Các thực thể xã hội này không nhất thiết chỉ là các cá nhân mà còn là các nhóm xã hội. Khi mạng lưới xã hội này được thiết lập và phát triển thông qua phương tiện truyền thông Internet, nó được hiểu là mạng xã hội ảo. Nhìn từ nhiều phía, mạng xã hội là một đại diện tiêu biểu của Web 2.0 mô phỏng các quan hệ xã hội thực. Mạng xã hội tạo ra một hệ thống trên nền Internet kết nối các thành viên cùng sở thích với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian qua những tính năng như kết bạn, chat, email, phim ảnh, voice chat... nhằm phục vụ những yêu cầu công cộng chung và những giá trị xã hội. [1, tr.19]

Mạng xã hội trực tuyến được hình thành trong thập niên cuối của thế kỷ 20, bắt đầu bằng sự ra đời của Classmates.com (1995); SixDegrees (1997), kế đến là sự nở rộ của một loạt các trang mạng khác nhau như Friendster (2002); MySpace; Bebo; Facebook (2004). Tại Việt Nam, các mạng xã hội đầu tiên có thể kể đến là Yobanbe (2006), Zing me (2009).

Về mặt pháp lý, ở Việt Nam, theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ (có hiệu lực từ 01/09/2013), mạng xã hội được định nghĩa là: ... *hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác.*

Như vậy, từ những phân tích trên, trong phạm vi luận văn này, mạng xã hội được hiểu là *một dịch vụ kết nối các thành viên cùng sở thích trên Internet cho nhiều mục đích khác nhau. Khi các cá nhân tham gia vào xã hội ảo thì không còn khoảng cách về không gian địa lý, giới tính, độ tuổi, thời gian. Những người sử dụng mạng xã hội được gọi là cư dân mạng.*

#### *1.1.1.2. Đặc điểm của mạng xã hội*

Mạng xã hội trên Internet có những đặc điểm nổi bật đó là: Tính liên kết cộng đồng, tính tương tác, khả năng truyền tải và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ.

##### *- Tính liên kết cộng đồng*

Đây là đặc điểm nổi bật của mạng xã hội ảo, cho phép mở rộng phạm vi kết nối giữa người với người trong không gian đa dạng. Người sử dụng cũng có thể trở thành bạn của nhau thông qua việc gửi liên kết mời kết bạn mà không cần gặp gỡ trực tiếp. Việc gửi liên kết này tạo ra một cộng đồng mạng với số lượng thành viên lớn. Những người chia sẻ cùng một mối quan tâm cũng có thể tập hợp lại thành các nhóm trên mạng xã hội, thường xuyên giao lưu, chia sẻ trên mạng thông qua việc bình luận hay dẫn các đường liên kết trên trang chung của nhóm.

##### *- Tính đa phương tiện*

Hoạt động theo nguyên lý của Web 2.0, mạng xã hội có rất nhiều tiện ích nhờ sự kết hợp giữa các yếu tố chữ viết, âm thanh, hình ảnh, hình ảnh động... Sau khi đăng ký một tài khoản, người sử dụng có thể tự do xây dựng một không gian riêng cho bản thân mình. Nhờ các tiện ích và dịch vụ mà mạng xã hội cung cấp, người dùng có thể chia sẻ đường dẫn, tệp âm thanh, hình ảnh, video... Không những vậy, họ có thể tham gia vào các trò chơi trực tuyến đòi hỏi có nhiều người cùng tham gia, gửi tin nhắn, chat với bạn bè, từ đó tạo dựng các mối quan hệ trong xã hội ảo.

##### *- Tính tương tác*

Thể hiện không chỉ ở chỗ thông tin được truyền đi và sau đó được phản hồi từ phía người nhận, mà còn phụ thuộc vào cách người dùng sử dụng ứng dụng của mạng xã hội.

##### *- Khả năng truyền tải và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ*

Tất cả các mạng xã hội đều có những ứng dụng tương tự nhau như đăng trạng thái, đăng nhạc hoặc video clip, viết bài... nhưng được phân bổ dung lượng khác nhau. Các trang mạng xã hội lưu trữ thông tin và nhóm sắp xếp chúng theo trình tự thời gian, nhờ đó, người sử dụng có thể truy cập và tìm lại lượng thông tin không lồ đã từng được đăng tải. [15, tr.21,22]

### **1.1.2. Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội**

#### **1.1.2.1. Khái niệm quyền tự do ngôn luận**

Trên thế giới ngày nay, tự do ngôn luận và tự do báo chí là các yếu tố hết sức quan trọng đối với sự ổn định, phát triển của mỗi quốc gia, đồng thời là biểu hiện trực tiếp của quan niệm, chính sách nhân quyền ở quốc gia đó. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc đều khẳng định các quyền cơ bản này.

Quyền tự do ngôn luận được công nhận là một quyền của con người. Điều 19 Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (có hiệu lực từ ngày 23/03/1976) quy định: *Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ.*

Tự do ngôn luận là một trong bốn quyền chính trị cơ bản luôn được đặc biệt coi trọng, đó là: tự do ngôn luận (*freedom of speech*), tự do biểu đạt (*freedom of expression*), tự do thông tin (*freedom of information*) và tự do lập hội và hội họp hòa bình (*freedom of association and peaceful assembly*). Về bản chất, tự do ngôn luận chính là quyền của mỗi cá nhân được biểu đạt, thể hiện và trình bày những ý tưởng, quan điểm và chính kiến của mình mà không có bất cứ sự can thiệp, tước bỏ hay hạn chế một cách tùy tiện và trái luật.

Khái niệm tự do ngôn luận có thể được tìm thấy trong các văn kiện chính trị-pháp lý quốc tế từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Bộ Luật về quyền (*Bill of Rights*) của Vương quốc Anh ngay từ năm 1680 đã quy định quyền hiến định về tự do ngôn luận và còn nguyên giá trị tới ngày nay. Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Pháp năm 1789 cũng khẳng định tự do ngôn luận như là một quyền cố hữu của con người.

Điều 11 của Tuyên ngôn khẳng định “*Trao đổi tự do các ý tưởng và quan điểm là một trong những quyền quý giá nhất của con người. Mọi người đều có quyền được nói, viết, in ấn tự do; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận*”.

Về mặt nội hàm, một số nhà lập pháp và học giả cho rằng, tự do ngôn luận là một quyền đa diện và đa chiều (*a multi-faceted right*), vốn không chỉ bao gồm quyền biểu đạt, hay được phổ biến, chia sẻ thông tin và ý tưởng mà còn bao gồm ba khía cạnh đặc trưng sau đây: 1) Quyền tìm kiếm thông tin và ý tưởng; 2) Quyền tiếp nhận thông tin và ý tưởng; 3) quyền được phổ biến thông tin và ý tưởng. Như vậy, tự do ngôn luận và quyền tự do ngôn luận có mối liên hệ mật thiết với các quyền như quyền tự do biểu đạt, tự do thông tin... Thuật ngữ tự do biểu đạt (*freedom of expression*) đôi khi còn được dùng để đề cập đến cả hành động tìm kiếm, tiếp nhận, và chia sẻ thông tin hoặc quan niệm, bất kể bằng cách sử dụng phương tiện truyền thông nào.[7, tr.52]

Ở một góc độ khác, tự do ngôn luận thể hiện ở sự tự do phát biểu mà không bị kiểm duyệt hoặc hạn chế. Thuật ngữ đồng nghĩa với tự do biểu đạt/điển đạt hoặc tự do thể hiện (*freedom of expression*) đôi khi còn được dùng để nói đến cả hành động tìm kiếm, tiếp nhận, và chia sẻ thông tin hoặc quan niệm, quan điểm, bất kể bằng cách sử dụng phương tiện truyền thông nào.

Tuy nhiên, cần thấy rằng theo luật nhân quyền quốc tế, quyền tự do ngôn luận không phải là quyền tuyệt đối. Quyền này có thể bị hạn chế, chẳng hạn như sự hạn chế với những phát ngôn reo rắc sự hận thù ("*hate speech*") hay phân biệt đối xử về chủng tộc, dân tộc, giới, tôn giáo, tín ngưỡng... [10] Trong thực tiễn cũng không tồn tại quyền tự do ngôn luận tuyệt đối trong các hệ thống luật pháp và các xã hội trên thế giới. Đó là bởi tự do ngôn luận có thể xung đột với các giá trị hay quyền chính đáng khác.

Quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí nằm trong những yêu sách cơ bản của nhân dân Việt Nam được nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xây năm 1919. Dưới chế độ thực dân Pháp, nhân dân ta hoàn toàn không có quyền con người và những quyền công dân cơ bản, không có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do báo chí. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đồng thời đem lại các quyền tự do, dân chủ cơ bản cho nhân dân.

Các quyền tự do ngôn luận, báo chí - thành quả của Cách mạng tháng Tám đã được khẳng định ngay trong Điều 10, Hiến pháp đầu tiên (năm 1946) của Nhà nước Việt Nam, sau đó được tiếp tục ghi nhận trong Điều 25, Hiến pháp năm 1959; Điều 67, Hiến pháp 1980. Đặc biệt, tại Điều 69, Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp thời kỳ đổi mới - quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin”. Các quyền hiến định đó được thể chế hoá trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

Theo Điều 25 Hiến pháp Việt Nam năm 2013: *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình*. Cũng theo Hiến pháp Việt Nam năm 2013, các hạn chế đối với tự do ngôn luận phải được luật pháp quy định và chỉ được quy định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

#### *1.1.2.2. Khái niệm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội*

Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội là quyền được tự do thể hiện ý kiến, quan điểm trên các mạng xã hội mà không trái với pháp luật quốc gia và quốc tế. Đây là quyền của người sử dụng mạng xã hội, được thực hiện thông qua việc sử dụng hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác mà không bị kiểm duyệt. Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội cũng chỉ bị hạn chế theo nguyên tắc gây hại, ví dụ như phát ngôn có tính chất khiêu dâm, hoặc nguyên tắc xúc phạm, sự cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

#### **1.1.3.Đặc điểm của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội**

*1.1.3.1. Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội rất dễ bị lạm dụng, vì vậy phải đặt trong khuôn khổ pháp luật*

Với tính chất mở và liên kết rất mạnh của nó, mạng xã hội là nơi ít có và khó có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Chính vì vậy, mạng xã hội rất dễ bị lợi dụng để có những hành động lạm dụng quyền tự do ngôn luận.

Tuy nhiên, như đã đề cập, tự do ngôn luận không phải là quyền tuyệt đối mà phải phù hợp khuôn khổ pháp luật. Không có nước nào trên thế giới coi quyền tự do ngôn luận là vô hạn, hay nói cách khác, quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội là có giới hạn. Tự do ngôn luận trên mạng xã hội chỉ được bảo vệ khi những chia sẻ, bình luận, phát ngôn... trên mạng xã hội không xâm phạm lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia và cộng đồng; hay không xâm phạm những quyền, tự do chính đáng của người khác. Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (năm 1948) đã khẳng định: *“Mỗi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng,... trong khi thụ hưởng các quyền và tự do cá nhân, phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và tự do của những người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ”*.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, quyền tự do ngôn luận cũng như quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội được công nhận nhưng phải đặt trong khuôn khổ pháp luật, nó chỉ được bảo vệ khi không xâm phạm lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia và cộng đồng; không xâm phạm những quyền tự do cơ bản khác. Điều này là phù hợp với các quy định trong Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền.

#### *1.1.3.2. Mạng xã hội có thể bị cơ quan cung cấp dịch vụ kiểm duyệt nội dung*

Mặc dù trên mạng xã hội mỗi tài khoản cá nhân đều có thể đăng tải những gì mình thích, tuy nhiên, trên các mạng xã hội lớn rất nhiều nội dung sẽ bị quản trị viên gỡ bỏ theo quy định của từng mạng xã hội khác nhau. Cụ thể như Facebook đã có chính sách chặn những nội dung được đăng tải, các hình ảnh có tính chất phản cảm hay những dòng bình luận ảnh hưởng tới nhân phẩm và danh dự của người khác. Còn trước đó, hai mạng xã hội khác là Twitter và Reddit đã từng thay đổi quy chế vận hành để chặn, đồng thời cấm chia sẻ những hình ảnh khỏa thân phản cảm được cộng đồng mạng biết tới với khái niệm *“revenge porn”* (“khiêu dâm trả thù”). Những hình ảnh này sẽ lập tức bị xóa mà không cần thông báo, và người dùng có thể sẽ bị khóa tài khoản tùy vào mức độ của hình ảnh này.

Tháng 6/2016, Facebook, YouTube, Twitter và Microsoft - 4 trong số các hãng công nghệ lớn nhất nước Mỹ - đã cam kết đánh giá hầu hết tố cáo về những phát ngôn



có tính chất hận thù bất hợp pháp trên mạng của họ trong vòng 24 giờ và gỡ bỏ hoặc chặn truy cập nội dung nếu các tố cáo đó là chính xác. Điều khoản sử dụng dịch vụ và hướng dẫn cộng đồng của các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội này nêu rõ, tất cả những lời lẽ, hành vi kích động bạo lực đều bị cấm. Bộ quy tắc ứng xử của các nhà cung cấp dịch vụ này miêu tả các nội dung bất hợp pháp là “tất cả hành vi công kích, kích động bạo lực hoặc hận thù chống lại một nhóm người hay một thành viên của nhóm người được xác định thông qua chủng tộc, màu da, tôn giáo, gốc gác, quốc tịch hay dân tộc”. Ngoài ra, những phát ngôn thù địch với “những ai đang lên tiếng vì tự do, sự khoan dung, chống phân biệt đối xử trong xã hội cởi mở và tác động xấu đến tính dân chủ trên nền tảng trực tuyến” cũng bị cấm. [21]

#### *1.1.3.3. Nhà nước không quản lý nội dung đăng tải*

Mạng xã hội khác với báo chí ở việc đăng tải thông tin. Tác phẩm báo chí là sản phẩm cá nhân sáng tạo ban đầu của phóng viên, cộng tác viên nhưng sau khi hoàn thành sẽ được biên tập cho phù hợp với chủ đề, tôn chỉ mục đích... của tờ báo. Vì thế, các toà soạn báo không thể bỏ qua khâu duyệt bài. Sản phẩm báo chí xuất hiện trước công chúng luôn có bàn tay biên tập. Người biên tập là những người đầu tiên thay mặt công chúng đọc (nghe, xem) tác phẩm của nhà báo. Họ chỉnh sửa, cắt ngắn hoặc thêm bớt, kéo dài... cho rõ ý, rõ câu chữ. Có tác phẩm phải biên tập nhiều, có tác phẩm phải biên tập ít tùy thuộc vào trình độ người viết bài và trình độ biên tập viên. Khi ra với công chúng, tác phẩm phải đạt độ hoàn hảo nhất có thể.

Tuy nhiên, với mạng xã hội, người dùng có thể đăng bất cứ nội dung gì mình thích thông qua tài khoản cá nhân mà không có bất cứ hoạt động kiểm duyệt nào. Quyền tự do ngôn luận ở đây là gần như tuyệt đối. Nhà nước không có bất cứ hình thức quản lý nào với các nội dung trước khi đăng tải. Song, như đã đề cập, chính đặc điểm này mang đến những rủi ro cao về sự lạm dụng quyền tự do ngôn luận, nhất là khi người đăng tải có những quan điểm cực đoan và thiếu nhận thức pháp luật đầy đủ.

Cũng vì không bị kiểm soát, không bị ràng buộc bởi các quy chuẩn hoạt động như báo chính thống, nên thông tin được đăng tải trên các mạng xã hội phần lớn là chưa được kiểm chứng. Điều này tạo ra một “rủi ro đạo đức” cho những thành viên

mạng xã hội, khi họ sẵn sàng đăng những thông tin chưa được kiểm chứng, hoặc sai sự thật, để phục vụ cho mục đích riêng của mình.

## **1.2. Nội hàm, giới hạn của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội theo luật nhân quyền quốc tế**

### **1.2.1. Nội hàm của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội theo luật nhân quyền quốc tế**

Quyền tự do ngôn luận được thừa nhận như là một quyền con người trong Điều 19 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 và được thừa nhận tại Điều 19 của Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR). Khoản 2 Điều 19 ICCPR quy định như sau: *“Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức tuyên truyền miệng, hoặc bằng bản viết, in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật hoặc thông qua mọi phương tiện đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của họ.”*

Theo định nghĩa trên, có thể thấy rằng tự do ngôn luận chính là tự do biểu đạt/điển đạt hoặc tự do thể hiện... Quyền tự do ngôn luận chính là quyền tự do biểu đạt. Nội hàm của quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, tức là tìm tin, tiếp tin và phát tin. Quyền này cho phép cá nhân/công dân được tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến để phục vụ cho nhu cầu của mình.

Con người có rất nhiều hình thức để biểu đạt quan điểm, tư tưởng hay cảm xúc của mình. Có những biểu đạt bằng cơ thể, thông qua khuôn mặt, mắt, chân, tay, ngón tay. Cũng có những biểu đạt thông qua giọng nói, tiếng nói, chẳng hạn như nói chuyện, trao đổi, la hét, gào khóc, hát... hoặc thông qua ngôn ngữ, chữ viết, chữ in, báo chí, sách vở, thông qua hình vẽ, tranh vẽ, ảnh chụp, ký hiệu, chữ ký... Trong nhiều tình huống, sự im lặng cũng là một cách biểu đạt.

Nếu như ngôn ngữ (nói, viết) được coi là cái vỏ của tư duy, thì biểu đạt chính là tập hợp các hình thức thể hiện tư tưởng của con người, trong đó bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc sử dụng các dạng ngôn ngữ theo quan niệm truyền thống.

Trên mạng xã hội trong thời điểm hiện tại, ở đó, mỗi cá nhân, đều có thể lập cho mình những tài khoản mạng xã hội cá nhân, thông qua các trang mạng xã hội như

Facebook, Twister, Blogspot... Đó có thể được coi là một trang riêng, nơi mỗi tổ cá nhân có thể chia sẻ cảm xúc của mình. Cũng tại đây, mỗi cá nhân tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, tức là tìm tin, tiếp tin và phát tin.

Như vậy, dựa vào các quy định pháp luật và đặc điểm của mạng xã hội có thể kết luận nội hàm của quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội chính là bao gồm: Tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, biểu đạt trạng thái, thảo luận với mọi người trên thế giới qua hình thức tương tác, thông qua tài khoản mạng xã hội.

### ***1.2.2. Giới hạn của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội theo luật nhân quyền quốc tế***

Giới hạn quyền là quy định được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền và một số điều ước quốc tế về quyền con người mà bản chất của nó là cho phép các quốc gia thành viên áp đặt một số điều kiện với việc thực hiện/thụ hưởng một số quyền con người nhất định. Vấn đề này được ghi nhận trong luật nhân quyền quốc tế và hiến pháp của nhiều quốc gia dưới những hình thức diễn đạt khác nhau và mức độ khác nhau. Cụ thể, Điều 29 khoản 2 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền nêu rằng: “*Khi thực hiện các quyền và tự do của mình, mọi người phải chịu những hạn chế do luật định, nhằm mục đích duy nhất là đảm bảo sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác, cũng như đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự xã hội và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ*”.

Cũng tại Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, Điều 12 quy định rõ: “*Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy*”. Để cụ thể hoá điều này, tại khoản 3, Điều 19, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị nhấn mạnh: “*Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và là cần thiết để: a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác, b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức của xã hội*”. [11, tr.29]

Theo Công ước về các quyền Dân sự - Chính trị, hầu hết các quyền dân sự, chính trị như quyền tự do đi lại, lựa chọn nơi cư trú, quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do lập hội, quyền hội họp hòa bình... đều là các quyền có thể bị hạn chế, tuy nhiên sự hạn chế đó phải do pháp luật quy định. Ngoài các lý do để bảo vệ quyền và tự do của người khác, trật tự công cộng, đạo đức xã hội và phúc lợi chung, các quyền này còn bị hạn chế bởi sự cần thiết để bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia, an toàn và trật tự công cộng...

Liên quan trực tiếp đến tự do biểu đạt, trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị, tại Điều 18, khoản 3 quy định cụ thể những mục đích có thể được viện dẫn để giới hạn quyền này đó là: An toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức cộng đồng, quyền và tự do của người khác. Điều 19, khoản 3: Hạn chế quyền tự do biểu đạt có mục đích giới hạn quyền là: An ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức cộng đồng, quyền và uy tín của người khác. [13, tr.72]

Bổ sung cho quy định trong Điều 19, Điều 20 của Công ước còn quy định một hạn chế cần thiết khác với quyền tự do biểu đạt; theo đó, mọi hình thức tuyên truyền cho chiến tranh, mọi chủ trương nhằm gây hấn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động sự phân biệt đối xử về chủng tộc, thù địch hoặc bạo lực, đều bị pháp luật nghiêm cấm.

Ở cấp độ khu vực, Điều 10 Công ước nhân quyền châu Âu cũng ghi nhận một danh sách dài các cơ sở để hạn chế tự do ngôn luận, trong đó bao gồm: các lợi ích an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hay an toàn công cộng; ngăn ngừa rối loạn, tội phạm, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức; bảo vệ danh dự và quyền của người khác; ngăn ngừa tiết lộ thông tin mật, hay duy trì quyền lực và tính công bằng của tư pháp. i Công ước nhân quyền châu Âu có hiệu lực từ ngày 3/9/1953 thừa nhận quyền tự do ngôn luận trong Điều 10, theo đó: “1. Tất cả mọi người đều có quyền tự do bày tỏ ý kiến. Quyền này bao gồm việc được tự do bày tỏ ý kiến và tự do trao đổi các thông tin mà không cần phải nhận được bất kỳ việc cho phép nào từ phía cơ quan công quyền và không phân biệt biên giới”. Tuy nhiên, theo Toà án Nhân quyền châu Âu, điều luật này không có nghĩa ngăn cấm các quốc gia thành viên đưa ra các biện pháp kiểm soát đối với các doanh nghiệp kinh doanh phát thanh, truyền hình, điện ảnh. Thêm vào đó, các quốc gia

phải bảo đảm rằng: “Việc thực hiện các quyền nói trên, bao gồm cả các nghĩa vụ và trách nhiệm, hình thức, điều kiện, các hạn chế hoặc các biện pháp trừng phạt cần phải được ghi rõ trong các văn bản pháp luật có cân nhắc đến việc cần thiết đối với một xã hội dân chủ, vì lợi ích đối với an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì trật tự công cộng và ngăn ngừa tội phạm, bảo vệ sức khỏe và đạo đức, nhân phẩm hoặc danh dự của con người, ngăn ngừa việc phát tán các thông tin mật hoặc để bảo đảm quyền lực và tính độc lập của các cơ quan tư pháp”.

Trong thực tế, khi nói đến quyền tự do của con người, phần lớn các luật gia ở châu Âu đều chịu ảnh hưởng của học thuyết cho rằng con người rất dễ lạm dụng quyền của mình được hưởng, và sự lạm dụng đó rất dễ gây phương hại cho người khác (*summum jus, summa injuria* – có nghĩa là *tự do quá trớn sẽ tạo ra sự bất công*). Vì vậy, không thể có tự do không giới hạn. Xuất phát từ quan điểm đó mà Liên minh châu Âu (gồm 28 quốc gia) cho phép các nước thành viên cân nhắc lợi ích của mỗi quốc gia để đưa ra các quy định cụ thể, nhằm hướng dẫn các công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận. Đó là quyền tự do ngôn luận phải nằm trong nguyên tắc bảo đảm “an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì trật tự công cộng và ngăn ngừa tội phạm, bảo vệ sức khỏe và đạo đức, nhân phẩm hoặc danh dự của con người, ngăn ngừa việc phát tán các thông tin mật, bảo đảm quyền lực và tính độc lập của các cơ quan tư pháp”. [14, tr.29]

Như vậy, từ những phân tích trên, có thể thấy rằng giới hạn của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội theo luật nhân quyền quốc tế cũng là giới hạn của quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng Internet, nơi người dùng có thể đăng tải bài viết, hình ảnh, video... nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc của luật nhân quyền quốc tế. Cụ thể, các nội dung mà thành viên mạng xã hội đăng tải không được gây ảnh hưởng đến: các lợi ích an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hay an toàn công cộng; ngăn ngừa rối loạn, tội phạm, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức; bảo vệ danh dự và quyền của người khác; ngăn ngừa tiết lộ thông tin mật, hay duy trì quyền lực và tính công bằng của tư pháp.

### **1.3. Khuôn khổ pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội**

Trong thời điểm bùng nổ thông tin trên phạm vi toàn cầu, Internet đã dần trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người. Nhu cầu tìm kiếm thông tin, giao lưu trao đổi và đặc biệt là chia sẻ đang ngày một tăng cao. Ở Việt Nam, Nhà nước từ lâu đã có những chính sách, biện pháp cụ thể để người dân sử dụng Internet cho các mục đích phát triển KT, VH, XH, hỗ trợ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm các quyền cơ bản của nhân dân. Năm 2012 Tổ chức Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) xếp Việt Nam đứng thứ ba tại Đông Nam Á, thứ 8 tại châu Á về số người sử dụng Internet. Còn theo số liệu khảo sát của WeAreSocial - tổ chức nghiên cứu độc lập về truyền thông xã hội toàn cầu - tới tháng 12/2012, số người sử dụng Internet ở Việt Nam là 30,8 triệu, chiếm 34% dân số (mức trung bình của thế giới là 33%). Tháng 10/2009, dịch vụ truy cập Internet qua mạng 3G có mặt tại Việt Nam, lập tức góp phần tạo nên sự phát triển vượt bậc của Internet băng thông rộng, và sau ba năm (tính đến tháng 7/2012), số lượng sử dụng đã đạt con số 16 triệu (chiếm khoảng 18% dân số). Riêng với blog, trên cả nước hiện có gần 3 triệu người có blog cá nhân. Đa số blogger sử dụng blog làm nơi bày tỏ suy nghĩ, trao đổi tâm tình, kiến thức. Thông qua blog đã hình thành nhiều nhóm, nơi những người chung sở thích, quan điểm, lối sống... có thể cùng nhau bày tỏ quan điểm. Internet cũng được phủ sóng miễn phí ở hầu như các cơ sở công cộng ở đô thị như nhà hàng, khách sạn, quán giải khát, nhà chờ sân bay,... của Việt Nam. [23]

Thực tế trên cho thấy ở Việt Nam sự phát triển của hệ thống mạng xã hội không chỉ để giúp nhân dân thỏa mãn nhu cầu văn hóa, mở mang và trau dồi tri thức, mà trở thành diễn đàn với nhiều hình thức phong phú, sinh động để các tổ chức xã hội, mọi người dân có tiếng nói, đóng góp ý kiến, thậm chí phản biện, đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước, và của các cấp chính quyền..

Ở nước ta hiện nay, việc quản lý mạng xã hội nằm trong phần quản lý về Internet và nội dung Internet, do vậy các cơ quan liên quan bao gồm: đứng đầu là Bộ Thông tin và Truyền thông, sau đó đến các bộ - ban – ngành như Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan khác và Ủy ban nhân dân các

ting, thành phố trực thuộc trung ương. Trách nhiệm và vai trò của các bộ - ban - ngành được quy định trong Điều 5 Nghị định 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

Cùng với việc quản lý Internet và nội dung Internet, Nhà nước ta cũng đã ban hành những quy định pháp luật mà các mạng xã hội trực tuyến cũng phải tuân thủ để đảm bảo an ninh, đạo đức, thương mại và xã hội (thông tin, chia sẻ thông tin, liên kết) trên Internet, cụ thể như: Điều 4. Chính sách quản lý và phát triển Internet, Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm, Điều 11. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, và Chương 4 – Quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Internet .. trong Nghị định 97/2008/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, còn một số văn bản pháp luật khác cũng có liên quan đến chính sách đối với mạng xã hội, mà có thể kể đến như:

- Luật Công nghệ thông tin năm 2006.

- Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/08/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.

- Nghị định 28/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

- Thông tư 07/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/08/ 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

Trong các văn bản pháp luật nêu trên, công nghệ thông tin luôn được nhà nước khuyến khích áp dụng trong hoạt động của cơ quan nhà nước, cũng như ứng dụng trong nhiều ngành nghề thuộc mọi lĩnh vực như thương mại, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa – thông tin, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đánh bắt xa bờ... Hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin cũng được nhà nước ta coi trọng. Chẳng hạn như ở điều 65, mục 3 của Luật công nghệ thông tin ghi rõ: “*Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp*

tác về công nghệ thông tin với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi”. Tuy nhiên, theo các văn bản pháp luật nêu trên, nếu sử dụng mạng xã hội để có những đánh giá xúc phạm về danh dự, nhân phẩm và uy tín người và tổ chức khác sẽ bị coi vi phạm pháp luật, mà cụ thể là vi phạm quy định về quyền đời tư ở Điều 20 Hiến pháp 2013, trong đó nêu rằng: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Về quyền đời tư, Điều 34 BLDS năm 2015 cũng có quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”. Trường hợp này, người sử dụng Facebook có thể phải công khai cải chính, xin lỗi và bồi thường cho người bị xâm phạm theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, người có hành vi thể hiện bức xúc và đánh giá đích danh người khác trên mạng xã hội có thể phải đối mặt với “Tội làm nhục người khác” quy định tại Điều 155 BLHS 2015 khi mà những hành vi nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Vì mạng xã hội sử dụng trên không gian mạng Internet nên người dùng mạng xã hội ở Việt Nam cũng phải tuân thủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng Internet. Theo Điều 10 Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định người sử dụng Internet còn có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 1 - Được sử dụng các dịch vụ trên Internet trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 2 - Tuân thủ thời gian hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng.
- 3 - Không được kinh doanh lại các dịch vụ Internet dưới bất kỳ hình thức nào.
- 4 - Tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin và các quy định khác có liên quan tại Nghị định này.

Tại Điều 26, Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội: Người sử dụng dịch vụ mạng xã hội có quyền và nghĩa vụ:



1 - Được sử dụng dịch vụ của mạng xã hội trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

2 - Được bảo vệ bí mật thông tin riêng và thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.

3 - Tuân thủ quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội.

4 - Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do mình lưu trữ, cung cấp, truyền đưa trên mạng xã hội, phát tán thông tin qua đường liên kết trực tiếp do mình thiết lập.

Tại Khoản 2, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin 2006 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực này gồm:

- Chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

- Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc;

- Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định;

- Xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của công dân;

- Quảng cáo, tuyên truyền hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục cấm đã được pháp luật quy định.

Ngoài ra, Quy định số 47-QĐ/TW ngày 1/11/2011 về “Những điều đảng viên không được làm” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có 3 điều quy định liên quan đến phát ngôn của cán bộ, đảng viên, đó là: *“Nói, làm trái hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng (Điều 1); Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước (Điều 2); Viết bài, cho đăng tải tin, bài sai sự thật (Điều 3)...*

Cụ thể hóa về những điều đảng viên không được làm, Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Quy định số 181-QĐ/TW, ngày 30/3/2013 về “Xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng”. Trong văn bản này, Điều 9, Chương II “Về vi phạm kỷ luật tuyên truyền, phát ngôn”, quy định như sau: *“a) Tuyên truyền, sao chép, tán*

*phát, cung cấp thông tin, ... kích động, chống Đảng, Nhà nước dưới mọi hình thức; b) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và các phương tiện truyền thông khác”. Điều 2 đã ghi rõ những trường hợp phải xử lý kỷ luật nặng hơn, đó là: “d) Tàng trữ, tuyên truyền, ... tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đ) Trả lời phỏng vấn, cho đăng tải tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng có nội dung sai sự thật, mang tính kích động; e) Lợi dụng việc phát ngôn, chất vấn, trả lời chất vấn, nhân danh việc phản ánh, góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng, dự thảo Hiến pháp, pháp luật, thư ngỏ, hồi ký để đưa ra các quan điểm, thông tin gây tổn hại uy tín của Đảng, Nhà nước”. Đó đều là những quy định nhằm hạn chế Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra những phát ngôn, thông tin trên mạng xã hội.*

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng quy định về việc cản trở tự do ngôn luận nói chung và quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội nói riêng tại BLHS 2015. Cụ thể, tại Điều 167 quy định về Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân:

1 - Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm.

Ngoài ra, tự do ngôn luận trên mạng xã hội cũng bị điều chỉnh bởi Điều 88, Điều 117 BLHS 2015. Theo quy định thì tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin tài liệu vật phẩm nhằm chống nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện qua những hành vi sau đây:

- Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân, như là: hành vi xuyên tạc, đả kích các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý cán bộ, nói xấu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nói xấu lãnh tụ, cán bộ, công chức Nhà nước... người phạm tội có thể lợi dụng những hiện tượng tiêu cực, khoét sâu những khó khăn trước mắt, thổi phồng những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, làm cho người khác không tin vào chế độ, vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của bộ máy Nhà nước, giảm sút ý chí trong lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, gây chiến tranh tâm lý là hành vi xuất (viết, in, vẽ, chụp ảnh...), cất giấu, lưu hành, sử dụng những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch để tuyên truyền, kích động, xuyên tạc,... đánh vào tâm lý của nhân dân, tạo ra sự sợ hãi, tư tưởng cầu an hoặc bịa đặt, tung tin thất thiệt gây hoang mang, nghi ngờ trong nhân dân.

Theo Điều 88 BLHS 2015 (Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thì người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân;

- Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm.

#### **1.4. Khuôn khổ pháp luật của một số quốc gia về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội**

##### ***1.4.1. Khuôn khổ pháp luật của Cộng hòa Pháp về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội***

Tự do ngôn luận được bảo vệ ngay trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp. Mặc dù vậy, pháp luật của nước Pháp cũng đưa ra các giới hạn, các chế tài

nghiêm khắc trừng trị người nào lạm dụng quyền tự do ngôn luận làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Những quy định này được nêu tại Bộ luật 1881 về quyền tự do báo chí và BLDS Napoleong. Các quy định có liên quan bao gồm: Bảo vệ nhân phẩm con người, chống lại việc vu khống, bôi nhọ (Điều 29 Luật 1881), bảo vệ, chống lại việc xâm phạm đời tư (Điều 9 BLDS), chống phân biệt chủng tộc, tôn giáo (Điều 32 Luật 1881), kích động bạo lực, gây hận thù (Điều 24 Luật 1881).

Điều 29 Luật 1881 quy định: *“Tất cả những nhận định hoặc quy kết cho một sự kiện gây thiệt hại đến danh dự hoặc nhân phẩm của cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến sự kiện đó đều bị coi là hành động vu khống”*. Điều luật này đưa ra định nghĩa về bôi nhọ là: *“Tất cả những phát ngôn có tính chất lăng nhục, sử dụng thuật ngữ miệt thị hoặc chưa được kiểm chứng”*. Như vậy, phạm vi áp dụng của Điều 29 rất rộng, không chỉ để bảo vệ uy tín, danh dự cho một cá nhân, mà cho cả các cơ quan, tổ chức. Các án lệ từ trước tới nay đưa ra hàng loạt cơ quan, tổ chức cần phải được bảo vệ trước hành vi vu khống, đó là: các cơ quan nhà nước (án lệ Tòa phá án hình sự ngày 26/4/1952), Quốc hội, Trường đại học, Hội đồng nhân dân (án lệ Tòa phá án hình sự ngày 23/5/1955), bệnh viện công (án lệ Tòa dân sự ngày 30/9/1998; tòa hình sự ngày 3/7/1996), cơ quan cảnh sát (án lệ Tòa án hình sự ngày 3/12/2002).

Về các vi phạm trên mạng xã hội, việc bày tỏ quan điểm trên Internet ở Pháp cũng chịu sự điều chỉnh của Luật 1881 và BLDS. Một số án lệ của tòa án Pháp đã đưa ra những vụ việc lạm dụng Internet để vu khống, bôi nhọ.

#### ***1.4.2. Khuôn khổ pháp luật của Hoa Kỳ về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội***

Ở Hoa Kỳ không có đạo luật nào riêng về tự do báo chí, tự do ngôn luận. Tuy nhiên, các tự do này được coi là quyền hiến định, được nêu rõ trong Hiến pháp, có hiệu lực áp dụng trực tiếp. Cụ thể, Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ nêu rõ: *“Quốc hội không được ban hành đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo hoặc ngăn cản tự do tín ngưỡng, hoặc hạn chế tự do ngôn luận hay báo chí hoặc quyền của dân chúng được hội họp và kiến nghị Chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình”*.

Như vậy có thể thấy điều khoản này đã thừa nhận quyền tự do ngôn luận và báo chí thông qua việc ngăn chặn Nhà nước ra các đạo luật làm hạn chế quyền này. Đối

với các nhà lập quốc Hoa Kỳ, đây là một trong những “quyền tự nhiên” của con người, không ai đủ tư cách ban phát, Hiến pháp chỉ ngăn chặn việc xâm phạm quyền tự nhiên ấy mà thôi. Có thể thấy Tu chính án thứ nhất được ban hành để “răn đe” chính quyền.

Mặc dù vậy, năm 1798, do lo ngại các tư tưởng của cách mạng Pháp có thể lan qua Đại Tây Dương, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật về Phản loạn, trong đó quy định: “*Việc viết, in, phát biểu hay phổ biến... mọi văn bản sai sự thực, có tính chất xúc phạm hay ác ý chống chính quyền đều là phạm tội*”. Thực chất mục đích của Đạo luật Phản loạn là để ngăn chặn việc tuyên truyền xuyên tạc, kích động chống đối chính quyền.

Kể từ khi mạng xã hội xuất hiện, vấn đề quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội được mặc nhiên chấp nhận ở Hoa Kỳ như là một hình thức của quyền tự do ngôn luận nói chung. Điều đó có nghĩa là các cơ chế bảo vệ, cũng như các vấn đề về giới hạn và xử lý các vi phạm quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội ở Hoa Kỳ cũng được áp dụng như với quyền tự do ngôn luận nói chung. Trong thực tế, đã có một số án lệ của toà án Hoa Kỳ đưa ra về những vụ việc lạm dụng tự do ngôn luận trên mạng xã hội để vu khống, bôi nhọ người khác.

#### ***1.4.3. Khuôn khổ pháp luật của Trung Quốc về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội***

Chính sách của chính phủ Trung Quốc đối với mạng Internet nói chung và mạng xã hội nói riêng là kiểm soát rất chặt chẽ về thông tin, cũng như sự phát triển các trang mạng và dịch vụ trong nước và ngăn cản sự thâm nhập của các trang mạng nước ngoài.

Trung Quốc đã ban hành 3 văn bản pháp luật về sử dụng Internet: (1) *Quy chế tạm thời về việc quản lý thông tin mạng máy tính kết nối quốc tế*, trong đó quy định “Không một đơn vị hoặc cá nhân nào được phép tự tạo ra những kết nối quốc tế trực tiếp. Tất cả những kết nối trực tiếp với Internet phải thông qua 4 nhà cung cấp mạng chính của Trung Quốc là: ChinaNet, GBNet, CERNET và CTSNET”. (2) *Pháp lệnh về Bảo vệ an ninh của các hệ thống thông tin máy tính*, trong đó quy định việc “giám sát, kiểm tra và hướng dẫn công tác bảo vệ an ninh” và “điều tra và truy tố các trường hợp phạm pháp”. (3) *Pháp lệnh quy định về thông tin độc hại trên Internet*, trong đó định nghĩa “thông tin độc hại” và chỉ ra 5 loại hoạt động có hại liên quan đến việc sử dụng Internet.

Chính phủ Trung Quốc xác định việc quản lý Internet với ba cấp độ, trong đó ở cấp độ một là quản lý các mạng chủ và các nhà cung cấp dịch vụ mạng. Về vấn đề này, một trong những kế hoạch quan trọng là “Dự án Trường thành lửa”, được Bộ Công an Trung Quốc khởi xướng vào năm 1998 và đưa vào sử dụng từ tháng 11/ 2003. Hệ thống này hoạt động dựa trên một số nguyên tắc cơ bản như khóa địa chỉ IP, lọc và dẫn đến một tên miền mới, lọc URL, lọc gói tin và xác lập lại kết nối. Hệ thống này khiến cho không chỉ mạng xã hội mà rất nhiều công ty về Internet nổi tiếng thế giới ở Mỹ và phương Tây thất bại khi xâm nhập thị trường rộng lớn này do chính sách kiểm duyệt thông tin trên Internet gắt gao của chính phủ Trung Quốc. Những người dùng Internet thông thường ở Trung Quốc hiện tại bị chặn không cho truy cập vào nhiều trang web và dịch vụ web nước ngoài.

Về mạng xã hội, Facebook có ngôn ngữ tiếng Trung Quốc vào năm 2007 nhưng đến khoảng tháng 7/2009 cũng bị chặn truy cập từ Trung Quốc. Tuy người dùng Internet ở Trung Quốc không sử dụng được nhiều mạng xã hội nổi tiếng của nước ngoài nhưng người Trung Quốc vẫn được đáp ứng các nhu cầu trên mạng Internet bằng các dịch vụ tương tự do chính Trung Quốc tạo nên. Chẳng hạn, tương tự dịch vụ tìm kiếm Google thì có Baidu, chia sẻ video thì có Youku thay cho Youtube, mạng blog siêu ngắn Sina Weibo thay cho Twitter, mạng xã hội QQ, Renren, và Kaixin,.. có thể thay cho Facebook,... Thậm chí nhiều trang mạng Trung Quốc có các dịch vụ tích hợp tiện lợi và thân thuộc với người Trung Quốc hơn là các trang mạng của nước ngoài.

Điều hạn chế lớn nhất với người Trung Quốc trong việc sử dụng mạng xã hội hiện nay có lẽ là ở tính kết nối với phần thế giới không dùng ngôn ngữ Trung Hoa. Không có các mạng xã hội lớn kết nối nhiều người ở nhiều quốc gia trên thế giới như Facebook, Twitter hay Google Plus có thể truy cập được từ Trung Quốc, còn các trang mạng xã hội lớn của Trung Quốc như QQ, Renren, Kaixin thì không có giao diện tiếng Anh - ngôn ngữ được xem là ngôn ngữ quốc tế. Với các mạng xã hội có tính toàn cầu, người dùng có thể giữ liên lạc với những người bạn ở nước khác, nói thứ tiếng khác, chẳng hạn như những người bạn gặp gỡ trong quá trình du học, công tác... ; còn các công ty có tính toàn cầu có nhu cầu sử dụng mạng xã hội để chăm sóc và giữ kết nối với khách hàng của mình...Điều này mạng xã hội của Trung Quốc hiện nay khó có thể đáp ứng được.

Giống như ở các quốc gia khác, các vấn đề về giới hạn và xử lý các vi phạm quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội ở Trung Quốc cơ bản cũng được áp dụng như với quyền tự do ngôn luận nói chung. Tuy nhiên, do những đặc điểm nêu trên, sự hạn chế với tự do ngôn luận trên mạng xã hội ở Trung Quốc cũng khắt khe hơn so với ở nhiều nước khác.

### **Kết luận chương 1**

Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội là quyền được tự do thể hiện ý kiến, quan điểm trên các mạng xã hội mà không trái với pháp luật quốc gia và quốc tế. Đây là quyền của người sử dụng mạng xã hội, được thực hiện thông qua việc sử dụng hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác mà không bị kiểm duyệt. Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội cũng chỉ bị hạn chế theo nguyên tắc gây hại, ví dụ như phát ngôn có tính chất khiêu dâm, hoặc nguyên tắc xúc phạm, sự cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội có những đặc điểm: Rất dễ bị lạm dụng, vì vậy phải đặt trong khuôn khổ pháp luật; Mạng xã hội có thể bị cơ quan cung cấp dịch vụ kiểm duyệt nội dung; Nhà nước không quản lý nội dung đăng tải. Cũng chính vì những đặc điểm đó nên thông tin được đăng tải trên các mạng xã hội phần lớn là chưa được kiểm chứng. Điều này tạo ra một “rủi ro đạo đức” cho những thành viên mạng xã hội, khi họ sẵn sàng đăng những thông tin chưa được kiểm chứng, hoặc sai sự thật, để phục vụ cho mục đích riêng của mình.

Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền quy định: “*Khi thực hiện các quyền và tự do của mình, mọi người phải chịu những hạn chế do luật định, nhằm mục đích duy nhất là đảm bảo sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác, cũng như đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự xã hội và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ*” và “*Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy*”.

Ở nước ta hiện nay, việc quản lý mạng xã hội nằm trong phần quản lý về Internet và nội dung Internet, do vậy các cơ quan liên quan bao gồm: đứng đầu là Bộ Thông tin và Truyền thông, sau đó đến các bộ - ban - ngành như Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trách nhiệm và vai trò của các bộ - ban - ngành được quy định trong Điều 5 Nghị định 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

Ở Việt Nam, cùng với việc quản lý Internet và nội dung Internet, Nhà nước ta cũng đã ban hành những quy định pháp luật mà các mạng xã hội trực tuyến cũng phải tuân thủ để đảm bảo an ninh, đạo đức, thương mại và xã hội (thông tin, chia sẻ thông tin, liên kết) trên Internet, cụ thể như: Điều 4. Chính sách quản lý và phát triển Internet, Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm, Điều 11. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, và Chương 4 – Quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Internet .. trong Nghị định 97/2008/NĐ-CP. Bên cạnh đó, còn một số văn bản pháp luật khác cũng có liên quan đến chính sách đối với mạng xã hội, mà có thể kể đến như: Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT của Bộ TTTT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/08/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; Nghị định 28/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet; Thông tư 07/2008/TT-BTTTT hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet...



## Chương 2

# THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### **2.1. Các yếu tố tác động đến việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam**

#### ***2.1.1. Tâm lý con người***

Không gian mạng không thể hình thành nếu thiếu sự tương tác của con người với vai trò là chủ thể sáng tạo và chủ thể thông tin. Trên không gian mạng, con người thực hiện các hành vi mang bản chất xã hội, như trao đổi, giao tiếp, học tập, lao động, sáng tạo, tiêu dùng... Đây là những hành vi có ý thức, phục vụ nhu cầu cuộc sống cũng như sự phát triển của xã hội loài người, là kết quả của sự tương tác giữa con người với phần mềm và các dịch vụ trên không gian mạng thông qua các thiết bị công nghệ và hạ tầng mạng kết nối. Nếu không có sự tương tác của con người sẽ không có thông tin trao đổi và không gian mạng sẽ không tồn tại. Không gian mạng hình thành, phát triển và tồn tại hoàn toàn do ý muốn của con người và vì con người [17, tr.65]. Vì thế, tâm lý con người tác động rất lớn đến quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội.

Tôn trọng chính sách, pháp luật hay các quy tắc khác của con người là yếu tố quyết định đến sự phát triển của một xã hội. Việc thiếu ý thức của người sử dụng sẽ tạo ra và thúc đẩy các yếu tố tiêu cực mà ta hay gọi đó là mặt trái Internet. Hơn nữa, tâm lý con người trong khi sử dụng mạng xã hội thường dao động trước các sự việc, luồng thông tin của một số người dùng, và trong một số trường hợp gây ra không ít những tiêu cực cho xã hội.

Việt Nam có trên 30 triệu người sử dụng Facebook hàng ngày, đó là chưa kể số người sử dụng các mạng xã hội khác. Với bản chất thật thà, chất phác, cởi mở của người Việt, họ không ngần ngại chia sẻ thông tin ngày một nhiều hơn trên các mạng xã hội. Nếu không tuân thủ quy định pháp luật dẫn đến trao đổi, lưu trữ hoặc công khai các thông tin, tài liệu bí mật nhà nước, bí mật nội bộ hay vô tình tham gia vào việc tạo ra, lưu hành, truyền bá các thông tin xấu, bịa đặt, xuyên tạc sai sự thật sẽ rất nguy hại đến đất nước.

Do đó, việc trang bị cho con người kiến thức, kỹ năng về công nghệ là cần thiết, song quan trọng hơn là xây dựng ý thức và văn hóa ứng xử trong thời đại kết nối cho người dân. Con người trong thời đại kết nối trước hết phải là những con người có văn hóa, có tri thức, tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và quy phạm pháp luật, biết chọn lọc khi đưa thông tin, có kỹ năng ứng xử trong thế giới không còn khoảng cách và ý thức rõ về những tác động đối với xã hội từ việc làm của mình.

### ***2.1.2. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội***

Internet ngày càng phát triển, các quốc gia được hưởng lợi từ sự phát triển công nghệ và sáng tạo của các tập đoàn công nghệ. Điều này mang lại sự chia sẻ thông tin nhanh hơn, kết nối và tương tác mạnh mẽ hơn, bảo mật hơn, thâm nhập sâu hơn và giải quyết tốt hơn các vấn đề của mọi mặt đời sống cũng như nhu cầu con người. Các dịch vụ mạng xã hội như Facebook, Youtube, blog, thư điện tử ngày càng được sử dụng nhiều hơn, đặc biệt là mạng xã hội đưa mọi chuyển biến của đời sống thực, xã hội thực đều được phản ánh lên xã hội ảo tác động sâu sắc vào đời sống con người trong thế kỷ “văn hóa thời @” hay “văn hóa Internet”.

Khi các dịch vụ Internet phát triển, đặc biệt là sự xuất hiện các mạng xã hội và các thiết bị di động thông minh, con người tác động đa chiều hơn, phản ánh sinh động hơn, tức thời hơn mọi mặt của đời sống, biến không gian mạng thành nơi thực hiện các hành vi mang bản chất xã hội của mình như giao tiếp, lao động, sáng tạo, học tập, sản xuất, vui chơi, giải trí...

Năng lực công nghệ được hiện rõ ở năng lực sáng tạo và phát triển ứng dụng công nghệ của một quốc gia dựa trên trình độ phát triển của công nghệ mạng. Năng lực công nghệ phát triển đồng bộ sẽ giúp quốc gia tự chủ, khai thác tốt sức mạnh của công nghệ, gia tăng các lợi ích cho người dùng. Bên cạnh đó, nguồn thông tin là yếu tố nền tảng quyết định chất lượng của sự phát triển Internet của một đất nước.

Facebook đã thu hút hơn 1,4 tỷ người sử dụng và trở thành một trong những mạng xã hội phổ biến nhất toàn cầu. Riêng tại Việt Nam, tính đến cuối tháng 8/2011, số lượng người sử dụng Facebook đã lên đến hơn 20 triệu người, đứng thứ 54 trong tổng số 213 nước có người sử dụng Facebook. Sức hấp dẫn của Facebook một phần đến từ chức năng chia sẻ thông tin cá nhân và tìm hiểu về người khác, trong đó có tính

cách. Tuy nhiên, một số hạn chế trong quản lý nội dung thông tin trên mạng cũng đưa đến những tác động xấu đối với đời sống xã hội nước ta, nhất là về văn hóa, chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Rõ nhất là sự thiếu kiểm soát, định hướng trong việc đưa thông tin trên mạng xã hội hay đưa thông tin chạy theo thị hiếu giật gân, câu khách của một số báo điện tử, trang thông tin điện tử. Do đó, không tránh khỏi việc chúng ta, những người dùng trên mạng xã hội có những lúc ngập trong thông tin nhưng không hạn về kiến thức.

Văn hóa tinh thần là sức mạnh mềm của mỗi quốc gia, phát triển văn hóa tạo nguồn lực tinh thần là điều vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do trao đổi, thảo luận các vấn đề văn hóa, xã hội của mỗi cá nhân trong khuôn khổ pháp luật là điều được Đảng và Nhà nước quan tâm.

Ngoài ra, sự phụ thuộc vào hạ tầng và dịch vụ công nghệ nước ngoài, thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao khiến cho tin tặc dễ dàng kiểm soát các tài khoản cá nhân và thực hiện nhiều hành vi xấu gây nguy hại cho người dùng.

### ***2.1.3. Hệ thống pháp luật***

Công ước quốc tế về các quyền Dân sự - Chính trị (1966) đã ghi nhận quyền tự do ngôn luận là một quyền con người quan trọng. Việt Nam là thành viên của Công ước này từ năm 1982. Việc nội luật hóa các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia được Việt Nam thực hiện theo những lộ trình nhất định. Quá trình đó thể hiện đòi hỏi nội tại về phát triển tự do của con người Việt Nam và thể hiện cam kết của nước ta khi tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người.

Tự do ngôn luận là một quyền con người cơ bản được ghi nhận và bảo vệ trong luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam. Lý luận về tự do ngôn luận và quyền tự do ngôn luận chỉ rõ vai trò, tầm quan trọng của quyền tự do ngôn luận đối với việc thực hiện quyền con người nói chung và các quyền chính trị - dân sự nói riêng. Tự do ngôn luận là nền tảng mà không có nó, nhiều quyền con người khác cũng không thực hiện được. Nó là một quyền cơ bản của con người không phân biệt về văn hóa, chính trị, tôn giáo, dân tộc hay các yếu tố khác. Quyền được giữ quan điểm và tự do ngôn luận là cơ sở để thực hiện đầy đủ nhiều quyền con người khác, ví dụ để hưởng quyền

tự do hội họp, lập hội, quyền bầu cử, ứng cử thì quyền tự do ngôn luận là cơ sở để con người thực hiện đầy đủ các quyền này. Chính vì vậy, một nhà lập pháp và học giả hàng đầu của Hoa Kỳ là Melvin Urofsky đã khẳng định: *“Nếu có một quyền có giá trị hơn tất cả các quyền khác trong một xã hội dân chủ, thì đó chính là quyền tự do ngôn luận”*. [7, tr.52]

Là thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, việc nội luật các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia được Việt Nam thực hiện theo những lộ trình nhất định. Quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền quan trọng của con người. Bởi vậy, quyền này được bảo vệ không chỉ ở cấp độ đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất của quốc gia là Hiến pháp mà còn được chi tiết hóa trong các văn bản luật của Việt Nam. Quyền tự do ngôn luận được cụ thể hóa trong Điều 4 Luật Báo chí (ban hành năm 1989, được sửa đổi bổ sung năm 1999) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngay trong Lời nói đầu đã nêu rõ Luật Báo chí ra đời để bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân. Đồng thời, *“Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, phát sóng”*. Đây là những quy định cụ thể nhất, thể hiện sự tôn trọng, thừa nhận các quyền con người cơ bản của công dân, trong đó có quyền tự do ngôn luận.

Trong thực tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, trong đó có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận của công dân. Cũng như nhiều quốc gia khác, để giữ gìn kỷ cương, đảm bảo sự ổn định, Nhà nước Việt Nam không cho phép lợi dụng quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền, kích động lật đổ chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, mọi hoạt động của xã hội được quản lý và điều chỉnh theo luật pháp. Ở Việt Nam, mọi người đều bình đẳng

trước pháp luật, nếu vi phạm pháp luật đều bị xử phạt theo quy định; pháp luật phải được thượng tôn, không ai đứng ngoài pháp luật, đứng trên pháp luật. Thực tế ở Việt Nam, không có phóng viên hay nhà báo nào bị bỏ tù mà chỉ có người vi phạm pháp luật bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hệ thống pháp luật, hay chính xác hơn là chủ trương, chính sách, pháp luật về ứng dụng và phát triển CNTT, về điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh có liên quan đến quyền tự do ngôn luận có vai trò vô cùng cần thiết. Nếu chủ trương, chính sách, pháp luật đề ra kịp thời, đúng hướng thì quốc gia sẽ nắm bắt được sự phát triển cũng như mở rộng ứng dụng và khai thác sức mạnh của CNTT, Internet phục vụ đắc lực cho nhu cầu phát triển KT - XH, an ninh, quốc phòng. Ngược lại sẽ sa vào chủ quan, duy ý chí, kìm hãm sự phát triển và ứng dụng công nghệ, không tận dụng được sức mạnh của số hóa hoặc bị động, tạo kẽ hở trong luật pháp và quản lý dẫn đến mất kiểm soát, thiệt hại về kinh tế, văn hóa, xã hội. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời đề ra nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật mở đường thúc đẩy CNTT phát triển mạnh mẽ, đưa VN bắt kịp nhanh với các dịch vụ 3G, mạng xã hội...

## **2.2. Các vấn đề về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam**

### **2.2.1. Thành tựu về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam**

Các thành tựu rõ nét trong việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam thể hiện qua các con số thống kê về Internet. Theo thống kê của “wearesocial.net”, tính đến tháng 11/2015 trên thế giới đã có hơn 3,3 tỷ người sử dụng Internet, trong đó, Châu Á đang nơi có số người sử dụng Internet nhiều nhất, và Việt Nam đứng thứ 6 trong top 10 nước về số lượng dân số sử dụng Internet với 45,5 triệu người theo thống kê đến tháng 6/2015.

Về số lượng giờ sử dụng Internet, tính tới tháng 1/2015, người Việt Nam đang đứng thứ 4 trên thế giới về thời gian sử dụng Internet với 5,2 giờ mỗi ngày, chỉ sau Philippines đứng đầu là 6 giờ, tiếp đó là Thái lan với 5,5 giờ, và Brazil là 5,4 giờ/ngày.

Hơn nữa, người Việt Nam sử dụng Internet cũng đứng thứ 9 về số thời gian trung bình dành cho mạng xã hội là 3,1 giờ mỗi ngày; đứng thứ 22 trên thế giới tính

theo dân số về số người sử dụng mạng xã hội là 31%, trong đó Facebook là mạng xã hội được sử dụng thông dụng nhất.[24]

Nếu tính từ năm 2010 đến nay, Việt Nam liên tục đứng trong nhóm 20 quốc gia có số người sử dụng Internet lớn nhất thế giới. Theo số liệu được công bố hồi năm 2015 của Tổ chức thống kê số liệu Internet quốc tế (Internetworldstats), tính đến tháng 6/2015, Việt Nam có 45,5 triệu người dùng Internet, chiếm 48% dân số, đứng thứ 6 ở châu Á về số người sử dụng Internet, chỉ sau Trung Quốc (674 triệu người), Ấn Độ (354 triệu người), Nhật Bản (114,9 triệu người), Indonesia (73 triệu người), Philippines (47,1 triệu người). Và nếu so với số người sử dụng Internet ở Việt Nam trước năm 2000 (chỉ ở mức khoảng 200.000 người), sau hơn 15 năm, số người sử dụng Internet ở Việt Nam đã tăng hơn 200 lần.[25]

Về số lượng mạng xã hội, Việt Nam hiện được xếp trong nhóm những nước đứng đầu thế giới về mức độ tăng trưởng số người sử dụng. Theo thống kê của Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) hiện tại, cả nước có hơn 400 mạng xã hội được phép hoạt động, trong đó, mạng xã hội được nhiều người sử dụng nhất là Facebook. Đây là một kênh chia sẻ thông tin với nhiều tiện ích được nhiều người ở Việt Nam ưa chuộng và thu hút hầu hết giới trẻ tham gia.

Thống kê mới nhất của Facebook cho thấy, Việt Nam hiện có 30 triệu người dùng mạng xã hội này (trong đó có 27 triệu người dùng hoạt động trên di động). Tính riêng mỗi ngày cũng có đến 20 triệu người dùng. Con số trên cao hơn 13% so với mức sử dụng mạng xã hội trung bình mỗi ngày trên toàn cầu. [26] Cũng theo thống kê này, tính đến tháng 1/2015, lượng người dùng Facebook mỗi ngày đã tăng 43% so với cùng kì năm ngoái. Về độ tuổi người dùng, có đến 3/4 người Việt dùng Facebook từ 18 - 34 tuổi, trong đó, các bà mẹ sử dụng Facebook với tần suất cao với xu hướng chia sẻ mốc thời gian trong cuộc đời, khoảnh khắc thường nhật. Thống kê này cho hay, người Việt hiện dành khoảng 2,5 tiếng mỗi ngày trên Facebook, gấp đôi thời gian dành để xem tivi.[27]

Không chỉ Facebook, người dân Việt Nam có rất nhiều kênh khác nhau để tiếp cận thông tin. Những năm gần đây, truyền thông điện tử ở Việt Nam phát triển mạnh chưa từng thấy với hàng trăm tờ báo và tạp chí điện tử ra đời, hàng nghìn trang thông

tin điện tử tổng hợp được cấp phép, nhiều mạng xã hội được đăng ký hoạt động cùng một số lượng lớn blog cá nhân. Thậm chí, chính phủ Việt Nam và nhiều cơ quan nhà nước đang sử dụng mạng xã hội để truyền tải thông tin tới đông đảo người dân.

Chính vì vậy, theo kết quả khảo sát tại một buổi hội thảo “Báo chí và mạng xã hội” do Hội nhà báo Việt Nam tổ chức cho thấy, mạng xã hội đang dần trở thành một nguồn tin của báo chí. Cụ thể, 72% số nhà báo được hỏi cho rằng mạng xã hội rất quan trọng với công việc hàng ngày của họ; 56% nhà báo nói rằng họ không thể đảm nhận công việc của họ nếu thiếu mạng xã hội; và 68% nhà báo tin rằng báo chí không thể hoạt động nếu thiếu mạng xã hội.[28]

Mặc dù các nguồn tin được lấy từ mạng xã hội khi đăng tải trên các báo đã đẩy lên các cuộc tranh luận lớn trong xã hội, nhưng nhiều nhà báo cho rằng, mạng xã hội đã và đang là một nguồn tin tốt cho báo chí hiện nay. Ví dụ gần nhất về tính thực tiễn và tác động của đến đời sống được thể hiện rất rõ trong vụ tỉnh An Giang kỷ luật người chê Chủ tịch tỉnh trên Facebook, hay xa hơn, là vụ việc chặt cây xanh ở thủ đô Hà Nội,... Điều đó cho thấy, ý kiến cá nhân trên mạng đã trở thành “vấn đề lớn” khi được báo chí đăng tải, được xã hội quan tâm và qua đó, có thể tác động đến việc thay đổi chính sách, quyết định của cơ quan lãnh đạo, quản lý.

Để đạt được những thành tựu đó, đầu tiên phải kể đến là do sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng phát triển công nghệ thông tin. Chính điều này đã tạo dựng nên một nền tảng cơ bản để mạng xã hội xâm nhập và phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam như hiện nay.

Việc xác định là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, việc phát triển Internet tại Việt Nam đang là mối quan tâm chung của Nhà nước và cả cộng đồng. Vì thế, từ tháng 9/2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”.

Với chính sách cởi mở với Internet và sự phát triển của mạng xã hội ở Việt Nam là một thực tế sinh động và đầy sức thuyết phục đối với việc tiếp cận Internet và mạng xã hội của người dân. Tất cả những điều đó cho thấy đảm bảo tự do báo chí và tự do Internet luôn là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Việt Nam không cấm mạng xã hội mà chỉ hạn chế những mặt trái do mạng xã hội gây ra,

tác động tiêu cực đến thuần phong mỹ tục, đạo đức, lối sống của người dân cũng như những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, tình hình an ninh - chính trị của đất nước.

Ngoài ra, như đã nêu ở các phần trên, việc pháp luật thừa nhận việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và thông tin của người dân cũng chính là tiền đề cho việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Chính vì pháp luật đảm bảo quyền tự do ngôn luận, trong các năm qua, hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng cởi mở, sôi động, đặc biệt là trên mạng xã hội. Các phiên họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, nhất là các buổi chất vấn được truyền tải qua mạng xã hội ngày càng nhiều. Nhiều chương trình đối thoại, tranh luận, trả lời, thăm dò ý kiến ... với nội dung phong phú, đa dạng về mọi vấn đề đã được đăng tải rộng rãi trên Internet.

### ***2.2.2. Hạn chế, bất cập về quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam***

Trong những năm gần đây, sự ra đời của báo điện tử, Website cá nhân (blog) và đặc biệt là mạng xã hội Facebook đã tạo ra một diện mạo mới cho không gian truyền thông đa chiều ở Việt Nam.

Thông tin đa chiều tạo điều kiện thuận lợi để mọi người ở những khu vực địa lý khác nhau có thể hiểu biết, chia sẻ thông tin với nhau. Sự phát triển của thông tin đa chiều, đặc biệt là truyền thông trực tuyến cũng tạo điều kiện để mở rộng quá trình dân chủ trong xã hội. Tuy nhiên, truyền thông đa chiều cũng đặt ra các thách thức cần giải quyết. Đó là ranh giới rất mong manh từ tính đa chiều của truyền thông đến sự nhiễu loạn thông tin. Việc “mọi cư dân mạng” đều có thể tham gia vào quá trình sáng tạo, làm thay đổi và chuyển tải các thông điệp khiến cho người nhận khó phân biệt và xử lý chính xác được những vấn đề của thực tiễn. Vì vậy, truyền thông đa chiều đặt ra những thách thức đối với pháp luật trong việc kiểm soát thông tin, hạn chế những tiêu cực trong truyền thông.

Việc quản lý blog (nhật ký điện tử cá nhân - báo chí công dân) đang là một vấn đề tồn tại nhiều hạn chế, bất cập ở nước ta. Tuy chỉ mới xuất hiện ở Việt Nam từ năm 2005 nhưng đến nay blog đã thực sự bùng nổ. Hiện chưa có thống kê chính thức về số lượng blog ở Việt Nam nhưng có thể khẳng định rằng con số này không hề nhỏ.



“Thành phần dân số” của blog Việt Nam hết sức đa dạng, nội dung thông tin rất phong phú, nhiều chiều, trong đó ngoài những thông tin tốt có không ít những thông tin không tốt cho xã hội. Trong khi đó, ngoài Nghị định 72/2013 ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, đến nay Chính phủ mới chỉ có Thông tư 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội điều chỉnh vấn đề này.[19]

Nghị định 72/2013 định nghĩa “trang thông tin điện tử tổng hợp” là “*trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp trên cơ sở trích dẫn nguyên văn, chính xác nguồn tin chính thức và ghi rõ tên tác giả hoặc tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đã đăng, phát thông tin đó*”, còn “*trang thông tin điện tử cá nhân là trang thông tin điện tử do cá nhân thiết lập hoặc thiết lập thông qua việc sử dụng dịch vụ mạng xã hội để cung cấp, trao đổi thông tin của chính cá nhân đó, không đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác và không cung cấp thông tin tổng hợp*”. Điều này đã vấp phải những ý kiến phản đối cả trong và ngoài nước. Ví dụ, người phát ngôn của Ủy ban Bảo vệ các Nhà báo (CPJ) gọi Nghị định này là “*nỗ lực mới nhất của Việt Nam để ... ngăn chặn tất cả các hình thức phê bình trên mạng*”. Tổ chức Phóng viên không Biên giới (RSF) tuyên bố “*Chẳng gì kém hơn là cuộc tấn công khắc nghiệt nhất đối với quyền tự do thông tin từ ... năm 2011*”. Đại sứ quán Hoa Kỳ thì bày tỏ “*quan ngại sâu sắc*”, còn tờ Washington Post cho là “*một đáy vực mới*” của kiểm duyệt Internet, và cho rằng Chính phủ Việt Nam đang tìm cách phân loại “*các trang thông tin điện tử*”.

Trả lời những chỉ trích nêu trên, bà Nguyễn Thanh Huyền, Trưởng phòng Thông tin trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông cho rằng: “*Chúng tôi không bao giờ cấm mọi người chia sẻ thông tin hoặc liên kết tin tức từ các trang web. Nó đã hoàn toàn bị hiểu lầm*”; “*Đây là một Nghị định bình thường, nó không đi ngược lại với bất kỳ cam kết nhân quyền nào*”.

Tuy nhiên, theo một số nhà phân tích, sự khác biệt chủ yếu giữa “*trang thông tin điện tử tổng hợp*” và “*các trang cá nhân*” thể hiện ở nghĩa vụ của trang tổng hợp, nếu đăng ký tại Việt Nam thì phải cung cấp dữ liệu về người sử dụng theo yêu cầu của

Chính phủ. Chính phủ Việt Nam muốn các công ty cung cấp dịch vụ Internet phải định vị ít nhất là một máy chủ tại Việt Nam và cung cấp dữ liệu về người sử dụng theo yêu cầu của nhà chức trách. Các nhà cung cấp quốc tế lớn như Google, Yahoo, Facebook và eBay (hợp thành Liên minh Internet châu Á) thì không hợp tác với quy định này, vì cho rằng nó “sẽ bóp nghẹt sự đổi mới” do thông tin về người dùng có thể bị Chính phủ kiểm soát. Họ cũng cho rằng không cần có một máy chủ như vậy ở Việt Nam khi mà hơn 30 triệu người Việt đang sử dụng Internet có thể truy cập các máy chủ ở nước ngoài chỉ đơn giản bằng cách điều chỉnh các thiết lập DSL trên máy tính của họ. [16]

Liên quan trực tiếp đến mạng xã hội, Nghị định số 55/2001/NĐ – CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet đưa ra các quy định điều chỉnh việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam nhưng chưa đề cập tới dịch vụ mạng xã hội. Nghị định số 97/2008/NĐ – CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet lần đầu tiên đã đưa mạng xã hội vào phạm vi điều chỉnh, bằng việc giải thích tại Điều 3: “*Dịch vụ mạng xã hội trực tuyến là dịch vụ cung cấp cho cộng đồng rộng rãi người sử dụng khả năng tương tác, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin với nhau trên môi trường Internet, bao gồm dịch vụ tạo blog, diễn đàn (forum), trò chuyện trực tuyến (chat) và các hình thức tương tự khác*”. Điều đó có nghĩa là theo Nghị định này, dịch vụ mạng xã hội trực tuyến với tư cách là một trang thông tin điện tử trên Internet chịu sự quản lý chuyên ngành của các cơ quan nhà nước. Theo đó, các bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các quy định; triển khai thực hiện quản lý đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình thực hiện quản lý nhà nước về Internet tại địa phương phù hợp với các quy định.

Nhìn lại các nội dung trong Nghị định số 97/2008/NĐ – CP, có thể thấy văn bản này chỉ quy định các chi tiết về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam. Ở thời điểm ra đời Nghị định này, các trang mạng xã hội nổi tiếng như Facebook, Twitter... chưa thực sự phổ biến trên toàn

thế giới, vì vậy, việc quy định các hình thức tương tự khác trong phần giải thích thuật ngữ chỉ là giải pháp tạm thời và thực chất vẫn là những kẽ hở mà Nhà nước khó kiểm soát được.

Bên cạnh đó, Nghị định nêu trên chỉ dành duy nhất Điều 22 để quy định về đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, và cũng chỉ dừng lại ở tính hình thức thủ tục mà chưa đưa ra được các điều kiện, ràng buộc cụ thể đối với cả người cung cấp và người sử dụng dịch vụ này. Việc quy định nhiều cơ quan có trách nhiệm quản lý đối với các dịch vụ trên Internet (trong đó bao gồm cả mạng xã hội), nhưng lại thiếu mối quan hệ ràng buộc giữa các cơ quan này để có được sự phối hợp cần thiết và kịp thời nên đã dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Do vậy, những nội dung trong công tác quản lý nhà nước sẽ tập trung vào quản lý thông tin trên mạng xã hội nói riêng và Internet nói chung. Tuy nhiên, khi nói tới nội dung quản lý thông tin, sẽ có những “xung đột” nhất định đối với vấn đề bảo đảm quyền tự do thông tin, tự do ngôn luận của công dân, vì vậy các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ phải cân nhắc kỹ trước khi đưa ra quyết định quản lý. [18, tr.90]

Nhận thức được sự phát triển mạnh mẽ của nội dung thông tin trên Internet với những đặc thù rất phức tạp về công nghệ kỹ thuật toàn cầu, trong những năm gần đây, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với thông tin trên Internet, đặc biệt là các thông tin trên các trang mạng xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế Internet đang thể hiện ngày càng rõ nét đặc trưng của một xã hội ảo, phản ánh ngày càng toàn diện các hoạt động của đời sống thật ở mức độ tự do hơn cho mỗi cá thể, phức tạp hơn cho công tác quản lý. Mặc dù vậy, bên cạnh sự vào cuộc quyết liệt của Bộ Thông tin và Truyền thông cùng với Bộ Công an, nhận thức về trách nhiệm và sự phối hợp của các bộ, ngành khác còn nhiều hạn chế.

Internet là lĩnh vực đặc thù có sự phát triển nhanh, mạnh, gắn liền với sự phát triển của thế giới. Vì vậy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quản lý lĩnh vực này cũng đòi hỏi phải được bổ sung, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự phát triển và yêu cầu quản lý. Đến nay hệ thống văn bản điều chỉnh các hoạt động liên quan đến việc cung cấp, sử dụng thông tin trên Internet đã được bổ sung, hoàn thiện đáng kể. Tuy

nhiên hệ thống các văn bản về quản lý nội dung thông tin điện tử trên Internet vẫn còn chưa đồng bộ, thiếu các quy định cụ thể để phân định rõ ràng, chính xác các hành vi vi phạm pháp luật. Việc xây dựng quy định, chính sách chưa theo kịp sự phát triển.

Vấn đề khó khăn trong việc áp dụng chính sách pháp luật là do tính chất không biên giới của Internet. Một hành vi trên Internet có thể vi phạm pháp luật của một nước, nhưng lại là được phép ở một quốc gia khác, vì vậy việc xử lý vi phạm, yêu cầu gỡ bỏ thông tin sai trái trên môi trường mạng cũng bị giới hạn, chỉ có tác dụng nhất định khi người vi phạm, hành vi vi phạm xảy ra ở quốc gia đó.

Hiện nay, việc xác định và xử lý công khai nội dung sai phạm vẫn do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, chủ yếu dựa vào các quy định định tính, chưa cụ thể về hành vi sai phạm, của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành có liên quan. Vì vậy, việc đưa ra quyết định của cơ quan chức năng hay bị cho là có tính áp đặt chủ quan, không khách quan. Nhiều trường hợp bị lợi dụng kích động, gây khó khăn cho việc tạo sự đồng thuận của dư luận xã hội; tạo ra áp lực lớn cho cơ quan chức năng, nhất là đối với những thông tin nhạy cảm về chính trị, đối ngoại... mà dư luận quốc tế đang quan tâm.

Trong nhiều trường hợp, các đơn vị thực thi còn khó khăn khi quyết định hình thức xử lý, nhiều trường hợp không dám công khai biện pháp xử lý do có yếu tố nhạy cảm, nên chưa đề cao tính răn đe. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý sai phạm tuy đã được tăng cường nhưng năng lực bộ máy thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm còn hạn chế, rất thiếu về số lượng thanh tra chuyên ngành; năng lực kỹ thuật xử lý, ngăn chặn thông tin sai phạm từ các máy chủ đặt tại nước ngoài còn nhiều bất cập. Chế tài xử lý chưa đủ mạnh, chưa đạt được hiệu quả răn đe cần thiết.

Trên thực tế, nguồn phát tán thông tin sai phạm chủ yếu là từ các máy chủ nước ngoài nhằm tránh sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, không điều chỉnh bằng các biện pháp hành chính được; trong khi các biện pháp ngăn chặn kỹ thuật mới chỉ tập trung đối với những thông tin sai phạm về an ninh chính trị, còn đối với những sai phạm thông tin khác chưa có điều kiện quan tâm đúng mức. [4]

Về vấn đề trên, ngày 24/11/2012, phát biểu tại Hội nghị Triển khai nhiệm vụ năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, ông Tô Văn Động, Giám đốc Sở Thông

tin và Truyền thông Hà Nội cho biết, trong vai trò cơ quan quản lý nhà nước, Sở rất lúng túng trong việc quản lý blog và mạng xã hội. Bởi vì, các đối tượng vi phạm thường rất am hiểu luật pháp và lợi dụng các kẽ hở của luật để “lách”, trong khi một số quy định thường không rõ ràng “như thế nào là vi phạm thuần phong mỹ tục” hay “thế nào là chống phá Đảng và Nhà nước”. Do đó, dù Sở rất quyết liệt trong khi làm việc, xử lý đối tượng vi phạm nhưng quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn và không dễ giải quyết.[8]

Không thể phủ nhận rằng, truyền thông xã hội có hai mặt, vừa tích cực, vừa tiêu cực. Trong khi sức lan tỏa của thông tin trên mạng xã hội cực kỳ rộng lớn, thì độ xác tín của thông tin lại không cao, thậm chí mang màu sắc chủ quan và cảm tính. Các cá nhân trên mạng Facebook có xu hướng đưa tin hoặc bình luận chủ quan, theo cách nhìn cá nhân của mình, vì vậy hiếm khi có thể coi là một bài báo hoàn chỉnh. Thậm chí, có nhiều người lợi dụng đặc tính này để cố tình đưa tin sai lệch, thiên kiến, vụ lợi hoặc bôi nhọ các cá nhân, tổ chức.

Cần thấy rằng, với sự xuất hiện của các mạng xã hội, chưa bao giờ độc giả lại có sức mạnh to lớn đến vậy trong việc giám sát và phản hồi những thông tin có được từ báo chí. Nếu như báo chí truyền thống được coi là “quyền lực thứ tư”, và có chức năng giám sát, kiểm tra hoạt động của nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp, thì với sự xuất hiện của mình, mạng xã hội lại đóng vai trò “quyền lực thứ năm” trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan truyền thông.[5, Tr.16] Vấn đề là quyền lực thứ năm nếu không được kiểm soát cũng sẽ dẫn tới tình trạng bị lạm dụng để vi phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã chứng kiến nhiều trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận và đưa ra những bài viết, bình luận sai trái. Đơn cử như trường hợp sau khi một số tờ báo đưa tin việc nữ diễn viên Hồng Ánh ứng cử đại biểu quốc hội khóa 13 (nhiệm kỳ 2011 - 2016), được đề nghị ứng cử từ Hội liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật TP HCM. Sau thông tin này, doanh nhân Lương Hoàng Anh đã bày tỏ thái độ không thiện cảm trên Facebook với nội dung: “6 năm liền chèo kéo lằng lộn với chồng người khác, làm người ta tan cửa nát nhà, mẹ góa con cô, nay hiện nguyên hình...”. [29] Về vụ việc này, trả lời Báo điện tử VTC News, Luật sư Ngô Ngọc Trai,

Công ty Luật hợp danh Hồng Bách và Cộng sự cho rằng: “Rõ ràng Lương Hoàng Anh ý thức được rằng thông tin mình đưa lên Facebook sẽ được rất nhiều người biết đến, giống như đang nói trước một đám đông. Hoàng Anh cũng biết là diễn viên Hồng Anh đang ứng cử đại biểu Quốc hội, mọi thông tin sự kiện về diễn viên Hồng Anh đều được công chúng theo dõi và lan truyền. Cuối cùng việc Hoàng Anh đưa tin xấu chắc chắn ảnh hưởng xấu tới việc ứng cử đại biểu Quốc hội của diễn viên Hồng Anh. Tôi thấy rằng có dấu hiệu cho thấy Hoàng Anh đã lợi dụng quyền tự do dân chủ (quyền tự do ngôn luận) của mình để xâm phạm tới quyền lợi hợp pháp của diễn viên Hồng Anh”. [30]

Một vụ việc khác là ngày 1/12/2015, TAND thành phố Hải Phòng đã đưa Nguyễn Đức Hào (sinh 1994, ở 13/32/263 Lạch Tray, Đằng Giang, Ngô Quyền) và Hoàng Anh Thư (sinh 1992, ở 98 Trần Huy Liệu, Quán Trữ, Kiến An) ra xét xử về tội “Đưa và sử dụng trái phép thông tin trên mạng Internet”. Hào và Thư sau đó đã phải nhận mỗi người mức án 6 tháng tù vì hành vi đăng các bài viết với nội dung thông báo các điểm có CSGT, CSTT đang làm nhiệm vụ cũng như nhiều bài viết khác có nội dung, hình ảnh trái pháp luật cùng những lời lẽ bình luận bôi nhọ lực lượng CSGT. [31]

Một trong những hạn chế nữa về quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội ở Việt Nam chính là việc mạng xã hội đang ngày càng góp phần làm “lá cải” hóa báo chí. Lá cải hóa ở đây có thể hiểu là việc các tờ báo lợi dụng việc đưa các tin tức giật gân (hay còn được các nhà báo, phóng viên gọi là những bài “cướp, giết, hiếp”), đưa tin về người nổi tiếng trong giới giải trí hay thể thao, để thu hút sự chú ý của độc giả, từ đó dẫn đến hành vi tiêu dùng (mua báo hoặc truy cập để đọc bài báo).

Lá cải hóa có xu hướng làm lẫn lộn ranh giới giữa thông tin và giải trí, qua đó làm giảm đi chất lượng những cuộc thảo luận của công chúng (*public discourse*) về những đề tài quan trọng. [5, tr.16]

Dù xu hướng lá cải hóa báo chí bắt đầu từ việc sản phẩm báo chí được thị trường hóa, có thể nhận thấy rằng mạng xã hội góp phần không nhỏ vào việc gia tăng tốc độ “lá cải hóa” ở trong môi trường báo chí - truyền thông Việt Nam. Lý do cốt yếu nằm ở cơ chế lan truyền. Nền tảng công nghệ giúp cho việc chia sẻ đường link và

thông tin giữa các cá nhân trở nên dễ dàng hơn trước rất nhiều. Một thông tin thú vị có khả năng trở nên “*viral*” (lan truyền nhanh), được truyền tải thông qua mạng xã hội như một thứ virus: tăng lên theo cấp số nhân khi lan từ network của cá nhân này sang cá nhân khác.

Lấy một ví dụ điển hình là trang tin 24h.com.vn. Trang tin này có đến gần 1,5 triệu likes trên mạng xã hội Facebook, điều đó đồng nghĩa với việc bất cứ bài báo nào được đăng tải lên fanpage của trang tin này thì đều có thể được tiếp cận bởi gần 1,5 triệu người. Về mặt lý thuyết, con số người đọc bài báo có thể tăng lên gấp bội khi chỉ cần một phần trong số 1,5 triệu người đó share đường link trong network của mình. Điều đó thúc đẩy các tòa soạn tìm kiếm những thông tin “thú vị”: đủ hấp dẫn để độc giả quan tâm, dễ hiểu để tiếp cận với phần đông độc giả, và đa phần là gây tranh cãi để độc giả tích cực tham gia chia sẻ, thảo luận về đề tài qua đó tăng lượng truy cập. Lượng truy cập cao đồng nghĩa với doanh thu quảng cáo cao hơn cho các tờ báo. Trong khi đó, nhiệm vụ quan trọng nhất của báo chí nước ta là “phổ biến những đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước đến nhân dân”, và là “diễn đàn của nhân dân, phản ánh một cách trung thực tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của nhân dân với Đảng và nhà nước”. [9, tr.21] Xu hướng lá cải hóa khiến cho báo chí xa rời những tiêu chí trên, và một trong những nhân tố quan trọng làm đẩy nhanh xu hướng đó chính là sự bùng nổ của mạng xã hội.

Ngoài ra, chính vì mạng xã hội đang phát triển quá nhanh mà chưa có pháp luật điều chỉnh đầy đủ nên dẫn đến một số cơ quan đã “tự ý” ban hành các quy định liên quan đến vấn đề này. Cụ thể, ngày 2/11/2015, Phòng Giáo dục -Đào tạo thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang có công văn số 1192, do trưởng phòng Nguyễn Thị Hồng Loan ký, gửi hiệu trưởng các trường trực thuộc ở Châu Đốc. Theo văn bản này, sau khi nhận được công văn 3018 ngày 30/10/2015 của UBND TP Châu Đốc và công văn 574 ngày 16/10 của Sở Thông tin - Truyền thông về việc sử dụng mạng xã hội và cung cấp thông tin trên mạng xã hội, bà Loan đề nghị hiệu trưởng các trường trực thuộc triển khai đến tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn đơn vị tinh thần của hai công văn trên. Theo đó, khi tham gia mạng xã hội nghiêm cấm các cá nhân bình luận, thích (like), chia sẻ (share), đăng nội dung các vấn đề liên quan đến

chế độ chính sách, chính trị, tôn giáo, phản động, chống phá chính quyền, làm ảnh hưởng uy tín cá nhân người khác. Tổ chức kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức không được sử dụng giờ hành chính lên mạng xã hội phục vụ nhu cầu giải trí cá nhân.[32]. Văn bản này đã gây ra những ý kiến trái chiều và tranh luận gay gắt trong dư luận, vì vậy chiều 24/11/2015, Phòng GD-ĐT TP Châu Đốc (An Giang) đã phải thu hồi lại văn bản đó.[33]

Về vụ việc trên, một chuyên gia cho rằng nội dung của văn bản này không ổn vì “quy định như vậy là nhận thức về quyền tự do ngôn luận của người khác chưa đầy đủ”. Những quy định trong văn bản đã vi phạm quyền tự do ngôn luận, quyền tự do về thông tin là những quyền được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam bảo hộ. Việc bình luận, chia sẻ hay thích trên mạng xã hội là quyền tự do của mỗi công dân. Công dân có quyền bàn luận, phê bình một hiện tượng xã hội, một sự kiện nào đó, miễn là không có yếu tố kích động chính trị. [34]

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang xử phạt bà Lê Thị Thùy Trang - tổ trưởng môn Ngữ văn, trường THPT Long Xuyên, TP Long Xuyên - và ông Huỳnh Nguyễn Huy Phúc (nhân viên Điện lực An Giang) mỗi người 5 triệu đồng do trước đó, bà Trang đăng lại bài báo nói về việc Thanh tra Chính phủ đề nghị kiểm điểm Chủ tịch UBND tỉnh An Giang lên Facebook của mình rồi bình luận tiêu cực. Sau đó nhiều người, trong đó có ông Phúc, vào bình luận tỏ ý đồng thuận với bà Trang. Còn vợ ông Phúc được cho là sử dụng tài khoản Facebook của chồng để được nhiều người quan tâm.[35]. Trước vấn đề trên, rất nhiều ý kiến cho rằng cơ quan chức năng tỉnh An Giang đã vi phạm “quyền tự do ngôn luận”. Một chuyên gia nhấn mạnh, việc xử phạt này là ‘một tiền lệ hết sức nguy hiểm’: “Người dân chỉ chê "kênh kiệu" mà bị phạt 5 triệu/người, rồi kỷ luật đảng, thuyên chuyển công tác thì thật oan uổng. Nếu vậy, chắc cả mấy chục triệu người dân Việt Nam sử dụng tài khoản mạng xã hội sẽ bị phạt hết, chỉ trừ một số người”. Trong khi đó, chuyên gia này phân tích: “Hiến pháp và pháp luật quy định người dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền giám sát, đánh giá năng lực, phẩm chất, phong cách của người được dân bầu, dân cử nên không thể cho rằng họ đánh giá ông chủ tịch này ‘kênh kiệu’ là xúc phạm danh dự, nhân phẩm... của ông ấy”. Còn Đại biểu Quốc hội Dương Trung Quốc thì khẳng định, việc



xử phạt hành vi trên là không chấp nhận được: “Xử lý thì phải theo luật. Nếu tôi nhớ không lầm thì bình luận đó không có gì vu khống cả mà chỉ là bình luận mang tính chất cảm nhận thôi. Họ có thể khen ông đẹp hay chê ông xấu thì đó là quyền người dân chứ. Tại sao lại gán chuyện đó vào lý do “sắp Đại hội Đảng” để xử lý. Lẽ ra cần thấy chính cái đó là thuốc thử. Nếu số đông không tán thành với những bình luận ấy thì đó là ủng hộ cho lãnh đạo. Không nên dùng quyền lực trấn áp không đúng luật”; “Khi chúng ta đang kêu gọi việc gần dân, nghe dân mà ông chủ tịch lại hành xử như thế thì không được. Muốn kết luận có xúc phạm danh dự, nhân phẩm của một người thì phải làm rõ người này còn có danh dự, nhân phẩm, uy tín hay không.”[36]

Bên cạnh đó là tình trạng nhiễu loạn thông tin do mạng xã hội. Ở mọi quốc gia, thực tế đều cho thấy, việc xuất hiện ngày càng nhiều các kênh truyền thông xã hội sẽ dẫn tới rủi ro ngày càng lớn trong việc nhiễu loạn thông tin. Đây là điều đã diễn ra ở nước ta trong mấy năm vừa qua nhưng các cơ quan nhà nước vẫn chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục.

Một trong những giải pháp với thực trạng trên là các cơ quan, tổ chức phải có những kênh truyền thông chính thống, cung cấp thêm một nguồn tin để người đọc có thể tự mình kiểm chứng thông tin và có cái nhìn toàn diện hơn về mọi vấn đề xã hội. Tuy nhiên, các kênh thông tin này muốn trở thành nguồn thông tin tin cậy, được nhân dân đọc và chia sẻ, thì phải tuân thủ một nguyên tắc thứ hai của truyền thông hiện đại, đó là tính “minh bạch”. Sự minh bạch ở đây được hiểu là sự sẵn sàng chia sẻ các thông tin cần thiết để người đọc có thể tiếp cận đầy đủ nhất về vấn đề được nêu ra. Mọi sự bưng bít thông tin, hoặc câu thả, đánh giá sai về nhu cầu của nhân dân mà không cung cấp đầy đủ thông tin, đều có thể dẫn đến những cái nhìn sai lệch, dù là vô tình hay hữu ý. [37] Ở nước ta hiện nay, các kênh thông tin chính thống tỏ ra ngày càng “lép vế” các kênh không chính thống. Trong khi có những blog cá nhân không có nguồn kinh phí nào nhưng thu hút cả triệu người theo dõi, thì rất nhiều cơ quan báo chí chính thống, kể cả trung ương và địa phương, được nhận những khoản kinh phí thường xuyên rất lớn từ ngân sách, song sản phẩm báo chí hầu như không thu hút được sự chú ý của người dân. Có những tờ báo lớn in hàng trăm ngàn bản nhưng bán không được, chủ yếu để cung cấp (phát không) nhưng cũng rất ít người đọc (được gọi là “báo gói xôi”). Điều này là

do cách làm việc quan liêu, sự trì trệ trong công tác tổ chức, tình trạng thiếu đoàn kết và cả nạn tham nhũng trong hệ thống cơ quan báo chí chính thống.

## **2.3 Một số vấn đề đặt ra trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay**

### **2.3.1. Luật hóa về mạng xã hội ở Việt Nam**

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, trong đó có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận của công dân. Cũng như nhiều quốc gia khác, để giữ gìn kỷ cương, đảm bảo sự ổn định, Nhà nước Việt Nam không cho phép lợi dụng quyền tự do ngôn luận để tuyên truyền, kích động lật đổ chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, mọi hoạt động của xã hội được quản lý và điều chỉnh theo luật pháp. Ở Việt Nam, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, nếu vi phạm pháp luật đều bị xử phạt theo quy định; pháp luật phải được thượng tôn, không ai đứng ngoài pháp luật, đứng trên pháp luật. Chính vì thế, quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội mặc dù được bảo đảm nhưng vẫn bị hạn chế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông xã hội, trong đó mạng xã hội là một thành viên đó là chưa luật hóa được quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội. Ngày 5/4/2016, Quốc hội chính thức thông qua Luật báo chí sửa đổi. Theo đó, mạng xã hội không được luật hóa trong Luật báo chí.[38]

Lý giải về vấn đề này, ông Lưu Đình Phúc, Phó Cục trưởng phụ trách Cục Báo chí (Bộ Thông tin và Truyền thông) cho rằng: Mạng xã hội hiện có hai dạng. Thứ nhất là các mạng xã hội ở trong nước, được vận hành bởi các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội ở trong nước, được quản lý bởi Nghị định 72, Nghị định 174 và chúng ta cơ bản quản lý được. Thứ hai là các mạng xã hội ở nước ngoài, vận hành bởi các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, có chủ thể cung cấp dịch vụ mạng ở nước ngoài như Facebook, thông tin mang tính chất toàn cầu, tương tác nhiều người. Việc quản lý thông tin này rất khó, liên quan đến việc tiếp cận thông tin của người dân nói chung.

Ngoài ra, mạng xã hội vừa có thông tin mang tính chất báo chí, vừa có nhiều thông tin khác. Vì vậy, để quản lý lĩnh vực mà chủ thể cung cấp dịch vụ vừa ở trong nước, vừa ở nước ngoài đòi hỏi phải có luật chuyên ngành về thông tin mạng để điều

chính cụ thể hơn. Đó là lý do ban soạn thảo và các cơ quan liên quan không đưa mạng xã hội vào Luật Báo chí.[39]

Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và Nhi đồng Quốc Hội Đào Trọng Thi cũng cho rằng: Mạng xã hội hoạt động trong môi trường ảo, thường không có người chịu trách nhiệm. Do đó, dự thảo luật bổ sung một số quy định phù hợp với đặc điểm của trang thông tin điện tử tổng hợp, còn mạng xã hội vẫn để các văn bản pháp luật khác điều chỉnh (Nghị định 72 và 174 năm 2013).[40] Còn nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Bắc Sơn thì có ý kiến cho rằng: Trong thế giới phẳng, truyền thông xã hội trên Internet ngày càng phát triển, nhưng được quản lý bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác chứ không quản lý bằng Luật báo chí. Chúng ta dứt khoát không tư nhân hóa báo chí, không để báo chí núp bóng tư nhân, vì vậy, nếu Luật báo chí điều chỉnh cả trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử (do tư nhân và doanh nghiệp thực hiện) thì vô hình trung chúng ta thừa nhận trang thông tin điện tử, truyền thông xã hội là báo chí tức là thừa nhận có báo chí tư nhân.[41]

Phản bác lại các quan điểm trên, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, ông Ksor Phước nêu ý kiến: Xu hướng chung bây giờ là tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tìm kiếm, đọc, nghe, xem thông tin trên Internet ngày càng nhiều, vì thế nếu không đưa trang thông tin điện tử và mạng xã hội vào Luật báo chí thì không thể nào quản lý nổi. Không luật hóa trang mạng xã hội và trang thông tin điện tử là không phù hợp, bởi trên thực tế báo chí chính thống sau khi đăng tin bài, người dân tha hồ comment và đều được đăng tải hết. Cũng có bình luận rất hay, nhưng rất nhiều bình luận phản cảm, ác ý, thậm chí trái với thuần phong mỹ tục, kích động, chia rẽ. Vấn đề này cần phải siết chặt thì không có lý do gì lại không quản lý đối với trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử, bởi suy cho cùng phần comment của báo chí chính thống cũng là một dạng trang mạng xã hội. Chia sẻ quan điểm của ông Ksor Phước, nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng cũng cho rằng: *“Không thể sử dụng Nghị định để hạn chế quyền tiếp cận thông tin của người dân trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội. Chỉ cần một chiếc smartphone, người dân có thể cập nhật tin tức bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu mà lại chỉ quản lý bằng Nghị định thì không được. Nên nghiên cứu đưa một điều*

*khoản quản lý trang thông tin điện tử và mạng xã hội vào Luật báo chí và giao Chính phủ quy định chi tiết”.* [42]

Những tranh luận nêu trên cho thấy vấn đề quản lý mạng xã hội hiện vẫn chưa có ý kiến thống nhất và một số khía cạnh hiện vẫn còn bỏ ngỏ. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định về quản lý hoạt động của thông tin trên mạng nói chung và mạng xã hội nói riêng để có thể tạo ra hành lang pháp lý đầy đủ, phù hợp về vấn đề quan trọng này.

### ***2.3.2. Ngăn chặn các luồng thông tin xấu, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội***

Nhiều người cho rằng mạng xã hội là ảo nên có quyền được tự do ngôn luận, thậm chí bịa đặt, sai sự thật, vu khống, xúc phạm làm ảnh hưởng tới tinh thần của các cá nhân, tổ chức và gây hoang mang dư luận. Một ví dụ đó là ngày 19/3/2016, một tài khoản Facebook đưa tin con của chủ tài khoản bị một nhóm người lạ mặt tiếp cận có dấu hiệu định bắt cóc. Thông tin trên nhanh chóng nhận được hàng ngàn lượt chia sẻ và bình luận, nhiều người tỏ ra hoang mang, thậm chí là lo sợ trước tình trạng trẻ em bị bắt cóc ngang nhiên giữa Thủ đô. Ngay khi nhận được thông tin, cơ quan công an đã nhanh chóng vào cuộc điều tra, xác minh sự việc, ghi nhận thông tin từ các nhân chứng thì đều khẳng định không hề có một vụ tương tự nào như trong tài khoản Facebook đưa tin.

Trước đó, cũng tại Hà Nội, một tài khoản Facebook khác cũng đăng tải thông tin về vụ bắt cóc trẻ em xảy ra tại khu vực phố Huế. Tình huống trong câu chuyện này là ông dắt tay cháu đi chợ thì có 2 thanh niên đi xe máy áp sát, đối tượng ngồi sau định ôm cháu bé đi, thời gian xảy ra vụ việc vào khoảng 17h chiều. Câu chuyện này cũng nhận được hàng nghìn bình luận và chia sẻ của cộng đồng mạng, hầu hết mọi người đều bày tỏ sự lo lắng, bất an. Tuy nhiên, kết quả điều tra của lực lượng công an cho thấy, trong khoảng thời gian trên, khu vực phố Huế và địa bàn lân cận không xảy ra bất cứ tình huống nào như tài khoản Facebook đăng tải.

Sau các sự việc trên, Cơ quan Công an Hà Nội cảnh báo ai đăng thông tin lên mạng xã hội với những nội dung không đúng sự thật, mang tính chất thất thiệt, gây hoang mang trong dư luận, ảnh hưởng đến tình hình ANTT trên địa bàn thành phố sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định tại các Điều 63, 64 Nghị định 174/CP (ngày

13/11/2013) của Chính phủ về “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện”.[43]

Ngày 9/5, Công an tỉnh Thái Bình đã triệu tập Bùi Đức Hải (sinh năm 1994, trú tại thôn Đào Động, xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình) là người đưa tin không đúng sự thật về hiện tượng cá chết ở bãi biển Cồn Vành, huyện Tiền Hải. Tại cơ quan Công an, Bùi Đức Hải đã khai nhận, thời gian gần đây, khi truy cập thông tin trên trên mạng Internet thấy nhiều bài viết đăng tải, phản ánh một số địa phương xuất hiện hiện tượng cá biển chết hàng loạt không rõ nguyên nhân, Nhận thấy những thông tin trên thu hút được đông đảo sự quan tâm của dư luận nên Hải đã nảy ra ý định đưa tin bài có nội dung tương tự ở biển Cồn Vành. Hải đã copy bốn hình ảnh về cá, sứa chết ở bãi biển trên mạng và hình ảnh người phụ nữ ngồi trên bãi biển, phía trước có một con cá chết. Hải đã dùng máy tính bảng nhãn hiệu Samsung soạn thảo nội dung phản ánh tình trạng cá, sứa, ngao chết hàng loạt dạt vào bãi biển Cồn Vành sau đó ghép bốn ảnh và một bài viết có tit “Hiện tượng cá, sứa, ngao chết bất thường kéo dài nhiều ngày qua đã lan rộng trên bãi biển Cồn Vành trong khi cơ quan chức năng vẫn chưa tìm ra nguyên nhân”. Trưa 7/5, Hải đã đăng nội dung bài viết cùng hình ảnh trên lên mạng xã hội và trang web thaibinhplus.vn. Nội dung đăng tin bài cá, ngao, sứa chết hàng loạt ở biển Cồn Vành do Bùi Đức Hải đăng tải hoàn toàn bịa đặt; hành vi đăng tải bài viết không đúng sự thật của Hải đã gây hoang mang trong dư luận nhân dân.

Ngoài các hiện tượng trên, nhiều đối tượng đã sử dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để đưa những thông tin thất thiệt, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Không chỉ người nổi tiếng như Đàm Vĩnh Hưng mà cả những ca sĩ trẻ cũng bị dính vào “bẫy chết” này của cư dân mạng. Sơn Tùng MT-P một sáng ngủ dậy đã rơi vào trạng thái “trên trời rơi xuống” khi tận mắt đọc thông tin mình...chết do tai nạn. Thậm chí đi kèm tin còn có ảnh minh họa như thật, ca sĩ đang nằm trên giường, mặt mũi bợt bạt. Đã có rất nhiều nghệ sĩ cùng chung “cảnh ngộ” với Đàm Vĩnh Hưng và Sơn Tùng MT-P như danh hài Chí Trung, ca sĩ Phan Đình Tùng, MC Diễm Quỳnh. Tất cả đều là nạn nhân của trò đùa ác ý mang tên “đột ngột qua đời” này. Ngoài ra, cũng đã từng có những thông tin sai sự thật, ác ý được mạng xã hội truyền tin như: Ngọc Trinh mắc bệnh đường tình dục, Lại Văn Sâm bị sida, Hoàng Lan bị HIV sau khi đóng phim,

Xuân Mai bị tai biến mạch máu não... Các nghệ sĩ sau đó cũng có những phản hồi lại để trấn an dư luận, cũng như cảnh cáo những tay mạng về trò câu view để quảng cáo như vậy là vi phạm pháp luật. Nhưng im ắng một thời gian rồi đâu lại vào đấy và không ít người đã bức xúc và lao đao với những kiểu tin đồn thất thiệt như thế. Công chúng, người hâm mộ cũng hoang mang không kém.

Theo kết quả xác minh của các cơ quan chức năng thì những kẻ tung tin đồn thất thiệt trên mạng xã hội phần lớn đều có động cơ, mục đích xấu, chủ yếu là: Thứ nhất là câu “like” đi kèm với những đường dẫn để người xem truy cập vào các trang web khác nhằm thu lợi bất chính, lừa đảo hoặc để thu hút sự chú ý nhằm quảng cáo, bán hàng. Thứ hai là nhằm mục đích bôi nhọ, nói xấu, trả thù, hạ uy tín người khác. Thứ ba là vì mục đích cạnh tranh không lành mạnh và triệt hạ đối thủ.

Những sự việc tương tự như trên đang diễn ra ngày một nhiều trên môi trường mạng xã hội. Đó là vấn đề đặt ra trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam. Việc tung tin thất thiệt, không đúng sự thật là hành vi rất đáng bị xã hội lên án, bởi nó gây ra hệ quả khó lường cho xã hội, nhất là trong giai đoạn bùng nổ thông tin như hiện nay. Hành vi này rất cần cơ quan chức năng có chế tài mạnh để xử lý nghiêm. Nếu hành vi tung tin thất thiệt, gây hậu quả nghiêm trọng, có thể xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm răn đe, cảnh tỉnh, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật cho cộng đồng.[44]

### ***2.3.3. Các thông tin trên mạng chống phá Đảng, Nhà nước***

Tại Việt Nam hiện nay, xuất hiện trên Internet nhiều luồng thông tin xấu do các thế lực thù địch, tổ chức phản động lưu vong người Việt phát tán nhằm xuyên tạc, bôi nhọ Đảng, Nhà nước, hạ thấp uy tín cá nhân các đồng chí lãnh đạo cấp cao, gây rối loạn xã hội. Các đối tượng này thuê máy chủ ở nước ngoài xây dựng hàng trăm trang web, blog, móc nối với một số đối tượng chống phá, cán bộ bất mãn hoặc nghỉ hưu trong nước có suy nghĩ trái chiều để thu thập thông tin và chuyển hóa thành những thông tin bịa đặt, gây nhiều loạn cho người đọc. Nổi lên là những trang web, blog, mạng xã hội của các tổ chức phản động, tổ chức xã hội dân sự, các trung tâm phá hoại tư tưởng chống phá ta quyết liệt như Việt Tân, Vì Dân, Liên đoàn lao động người Việt, đài phát thanh RFA, BBC... Bên cạnh đó còn có các web ả danh, giả mạo như

danlambao, hosomat, quanlambao, chandungquyenluc,... đang tạo ra các luồng thông tin xấu cho người dùng Internet Việt Nam.

Việc tuyên truyền, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước tập trung vào một số vấn đề chính như sau:

- Thông qua các trang mạng xã hội và blog tung ra những thông tin và quan điểm nhằm phủ nhận Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên CNXH của Việt Nam; xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; gây mâu thuẫn nội bộ, kêu gọi thay đổi chế độ chính trị, kêu gọi biểu tình gây áp lực đối với Đảng, Nhà nước; âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, phi chính trị hóa quân đội...

- Tán phát trên mạng Internet những tin, bài, tài liệu có nội dung sai trái, thù địch và khuyến khích nhiều người lên mạng “trao đổi”, “thu nhận” thông tin; dùng các trang mạng xã hội và blog làm “nóng” các vấn đề trong nước để tuyên truyền kêu gọi từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, từ bỏ con đường đi lên CNXH ở nước ta, gây chia rẽ nội bộ.

- Lợi dụng hành động vi phạm chủ quyền trên biển Đông của Trung Quốc để đẩy mạnh tuyên truyền bôi nhọ, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Kêu gọi biểu tình, tuyên truyền xuyên tạc đường lối đối ngoại và chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước trong việc giải quyết tình hình căng thẳng trên Biển Đông .

- Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo” để gây sức ép về chính trị và kinh tế, gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với các điều kiện về hợp tác kinh tế; tìm cách tác động, kêu gọi các nước, các tổ chức quốc tế gia tăng sức ép với Việt Nam...nhằm gây chú ý của dư luận, tạo áp lực với Đảng, Nhà nước ta; nhào nặn, lan truyền những thông tin thất thiệt gây tâm lý bi quan, hoài nghi vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; làm suy giảm niềm tin của nhân dân với Đảng, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, thực hiện mưu đồ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, từng bước hướng lái Việt Nam theo chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội, những vấn đề “nóng”, “bức xúc” trong xã hội để xuyên tạc, bóp méo, lấy hiện tượng quy

thành bản chất nhằm công kích sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, gieo rắc tâm lý hoang mang, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Sử dụng chiêu bài đòi tự do lập hội để đẩy mạnh tuyên truyền tập hợp lực lượng, thành lập các hội, nhóm bất hợp pháp (như: “Văn đoàn độc lập Việt Nam”, “Hội Nhà báo độc lập Việt Nam”...) dưới vỏ bọc các tổ chức “xã hội dân sự”, “diễn đàn dân chủ”; liên kết thực hiện các hoạt động “đấu tranh cho nhân quyền”; nhằm tập hợp, thu hút thành viên tham gia để gia tăng hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta.

- Kích động văn nghệ sĩ đòi “tự do sáng tác”, “tự do công bố” các tác phẩm văn học, phản đối sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ta trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; kích động, đặt hàng viết bài đưa lên các mạng xã hội, blog cá nhân để tuyên truyền kích động chống phá đất nước.

- Lợi dụng những hạn chế, yếu kém trong quản lý, định hướng thông tin, tác nghiệp ở một số cơ quan báo chí để xảy ra tình trạng một số bài viết phản ánh về các vụ việc phức tạp, nhạy cảm sai sự thật, thiếu khách quan; cá biệt một số tờ báo có những bài viết “giật tít” câu khách; tần suất, số lượng bài viết về các mặt trái, tiêu cực xã hội quá nhiều, nhất là trên một số báo điện tử, để tuyên truyền xuyên tạc, chống phá ta. [2]

Trong khi đó ở nước ta hiện nay, vấn đề quản lý, kiểm duyệt Internet còn nhiều bất cập cả về chính sách và kỹ thuật. Việt Nam chưa có biện pháp triệt để trong việc sàng lọc, ngăn chặn các luồng thông tin xấu do các thế lực thù địch, tổ chức phản động lưu vong người Việt tuyên truyền, đặc biệt vào các thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước như Đại hội Đảng, Quốc khánh 2/9.

## **Kết luận Chương 2**

Việt Nam có các thành tựu có thể thấy được về việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội đó là số người sử dụng Internet, mạng xã hội rất cao và đang tăng theo từng ngày, tuy nhiên, chúng ta cũng đang phải đối mặt với những hạn chế về việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận cũng như việc ngăn chặn các thông tin trên mạng xã hội ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội. Bên cạnh đó, tình trạng nhiễu loạn thông tin, khi cộng đồng mạng vẫn đăng tải các thông tin thiếu kiểm chứng hoặc dùng cho mục đích cá nhân đang diễn ra ngày một nhiều thì việc xử lý các thông tin



sai lệch trên đang ngày càng trở thành bài toán nan giải. Các vấn đề mà Việt Nam đang mắc phải trong việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội là: Luật hóa về mạng xã hội ở Việt Nam; Ngăn chặn các luồng thông tin xấu, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội; Các thông tin trên mạng chống phá Đảng, Nhà nước. Trong khi đó ở nước ta hiện nay, vấn đề quản lý, kiểm duyệt Internet còn nhiều bất cập cả về chính sách và kỹ thuật. Việt Nam chưa có biện pháp triệt để trong việc sàng lọc, ngăn chặn các luồng thông tin xấu do các thế lực thù địch, tổ chức phản động lưu vong người Việt tuyên truyền, đặc biệt vào các thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước như Đại hội Đảng, Quốc khánh 2/9.

### Chương 3

## QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 3.1. Quan điểm

Thực tế ghi nhận, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền quan trọng của con người. Bởi vậy, quyền này được bảo vệ không chỉ ở cấp độ đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất của quốc gia là Hiến pháp mà còn được chi tiết hóa trong các văn bản luật của Việt Nam. Các bản Hiến pháp từ trước đến nay đều quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc phải tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân thực hiện các quyền con người cơ bản, trong đó có quyền tự do ngôn luận. Đối với mỗi cá nhân, không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân.

Bên cạnh các quy định về quyền tự do ngôn luận, pháp luật Việt Nam cũng quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà nước cũng như của Công dân. Điều đó phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế, cụ thể là Công ước quốc tế về các quyền Dân sự - Chính trị năm 1966. Việc ghi nhận quyền tự do ngôn luận của công dân trong pháp luật nước ta, một mặt thể hiện đòi hỏi nội tại về phát triển tự do của con người Việt Nam; mặt khác, thể hiện sự thực thi cam kết của nước ta khi gia nhập các công ước quốc tế về quyền con người.

Theo đó, quyền tự do ngôn luận là quyền của con người, là giá trị mang tính phổ quát được thừa nhận chung và rộng rãi. Trong ý nghĩa tích cực của nó, cá nhân khi bày tỏ ý kiến của mình là mong muốn được người khác, được xã hội biết đến để cùng bàn luận, giải quyết các vấn đề xã hội đặt ra. Quyền được thông tin là cơ sở để thực hiện quyền làm chủ, trong đó quyền được thông tin về hoạt động của Nhà nước cũng đóng góp một phần rất quan trọng. Điều này đã được thể chế hóa một phần bằng những qui định về việc công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước trong Luật báo chí, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng, trong các nghị định ban hành qui chế dân chủ ở cơ sở, qui chế công khai tài chính công...

Như vậy, quyền tự do ngôn luận nói chung và quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội nói riêng là một quyền con người, được pháp luật bảo vệ. Mặc dù Nhà nước đã tạo các điều kiện để mọi người dân có thể được thụ hưởng quyền trên. Tuy nhiên, cần nhìn nhận thực tế, tại Việt Nam, quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội phần nào đó bị lạm dụng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, trật tự xã hội.

Riêng về mạng xã hội, pháp luật Việt Nam cũng quy định người sử dụng mạng xã hội có vùng thông tin riêng cho mình và không được sử dụng thông tin chính thống từ cơ quan nhà nước. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/2013. Theo đó, những tài khoản được lập thông qua các mạng xã hội chỉ được đăng thông tin của cá nhân. Người đó không được dẫn thông tin tổng hợp, tức là không được trích dẫn thông tin từ các cơ quan báo chí hay các trang web của cơ quan nhà nước.[45]

Tuy nhiên, cần nhìn nhận khách quan, khung pháp lý điều chỉnh các hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội chưa nhiều, vì thế nên những phát ngôn trên mạng xã hội nhiều lúc bị hình sự hóa, gây ra nhiều vụ bắt bớ, bỏ tù những người bất đồng chính kiến hoặc có những quan điểm khác với chính quyền.

Trong khi đó, Internet là lĩnh vực đặc thù có sự phát triển nhanh, mạnh, gắn liền với sự phát triển của thế giới. Quản lý nhà nước về thông tin trên Internet là hết sức cần thiết, vì lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội dân sự và của công dân. Mặc dù vậy, các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn những nội dung gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội vẫn đang còn là bất cập. Vì thế, sự quản lý này đã không được đặt trong những giới hạn đủ để vừa “quản” vừa khuyến khích phát triển mà đang vướng phải sự quản lý kìm kẹp không “quản” được thì “cấm” như lâu nay chúng ta vẫn vướng phải. Có thể kể đến là những lần các nhà cung cấp dịch vụ Internet đã dùng tường lửa chặn hoàn toàn các trang mạng xã hội trong các sự kiện, sự việc quan trọng như Đại hội Đảng, vụ cá chết hàng loạt tại vùng biển 4 tỉnh miền Trung. Việc làm này mặc dù đã ngăn người sử dụng Internet tiếp cận được với những thông tin xuyên tạc, phản động nhưng lại mặc định cấm người dân được sử dụng mạng xã hội một cách

công khai, minh bạch, đúng đắn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thụ hưởng quyền tự do ngôn luận của người dân.

Ngoài ra, thông qua những sự việc phát tán những thông tin gây hoang mang dư luận, cũng như các bình luận mang nặng hiệu ứng “đám đông” có thể nhận thấy rất nhiều tầng lớp, đặc biệt là giới trẻ, hạn chế về văn hóa, nhận thức đang được bộc lộ rõ nét. Rất nhiều người đang hiểu lầm rằng mạng xã hội cung cấp cho con người cái quyền phán xét bất kỳ ai mà không phải chịu trách nhiệm. Có thể nhận thấy trên nhiều diễn đàn ở các trang mạng xã hội, một số người có thể tha hồ công kích, bôi nhọ bất kỳ ai mà không cần chịu trách nhiệm. Nấp bên dưới 1 nickname hoặc 1 tài khoản ảo miễn phí nào đó, họ trở nên khá an toàn. Mạng xã hội giống như một xã hội ảo vô chính phủ và không có hình phạt đủ sức răn đe, cùng lắm là bị khoá tài khoản

Hùa theo đám đông có tác hại vô cùng lớn, nó thể hiện sự mất lập trường, không có chính kiến và mất kiểm soát hành vi. Nhiều trường hợp, khi hòa theo đám đông mà cư dân mạng quên đi rằng sự phản biện phải dựa vào bằng chứng, có lập luận rõ ràng, có chính kiến và có ý thức về trách nhiệm khi đưa ra quan điểm của mình. Trong khi đó, hiệu ứng đám đông này có thể phát triển giống như một cơn sóng thần có sức huỷ diệt cả một doanh nghiệp. Gần đây chúng ta cũng đã chứng kiến trào lưu tẩy chay doanh nghiệp có bán sản phẩm có ruồi bên trong, hoặc tẩy chay các nhãn hàng mà 1 ca sĩ làm Đại sứ thương hiệu. mạng xã hội có một quyền năng kết nối từng cá nhân đơn lẻ thành 1 cộng đồng có sức mạnh đủ lớn để đánh bại bất kỳ doanh nghiệp hoặc cá nhân nào.

Cũng từ hiệu ứng đám đông xuất hiện nhiều đối tượng vẫn được cư dân mạng gọi là “anh hùng bàn phím”. Các đối tượng này thường sử dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội của mình để chỉ trích bôi bác, chỉ trích, phê phán, đả kích, ác ý phủ nhận người khác, thích bịa đặt để làm xáo trộn xã hội. Có thể nhận thấy đây là nhóm đối tượng chưa có sự trưởng thành về suy nghĩ, hành động; chưa taoaj cách nhìn vào góc độ tích cực của vấn đề; bảo thủ với quan điểm cá nhân và trải nghiệm cá nhân của mình; thích hòa theo đám đông, họ dễ phản ứng tiêu cực thái quá hoặc tỏ ra thương cảm quá lố. Hòa theo đám đông có tác hại vô cùng lớn, nó thể hiện sự mất lập trường, không có chính kiến và mất kiểm soát hành vi. Để trở thành “anh hùng bàn phím”,

nhiều người quên đi sự phản biện dựa vào bằng chứng, có lập luận rõ ràng, có chính kiến và có ý thức về trách nhiệm khi đưa ra quan điểm của mình.

Qua đó, có thể thấy trong thời buổi phát triển nhanh về Internet và mạng xã hội, việc tuyên truyền, giáo dục con người, đặc biệt là giới trẻ ở Việt Nam đang tồn tại nhiều bất cập, chưa đi sâu, đi sát vào việc giáo dục tư tưởng, lối sống trong từng cấp học. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội mà còn phần nào đó thể hiện dấu hiệu đáng báo động về mặt bằng văn hóa của người dân Việt Nam.

## **3.2 Các nhóm giải pháp đảm bảo quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay**

### ***3.2.1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật***

Theo Nghị định 97/2008/NĐ – CP, mạng xã hội trực tuyến với tư cách là một trang thông tin điện tử trên Internet chịu sự quản lý chuyên ngành của các cơ quan nhà nước gồm:

- Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Internet, bao gồm: xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển Internet; trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cấp phép và cung cấp dịch vụ; kết nối; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chất lượng; giá cước; tài nguyên Internet; an toàn thông tin; cấp phép báo điện tử, xuất bản trên Internet và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và thực thi pháp luật đối với hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet; thiết lập, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Internet, bao gồm cấp phép, đăng ký, báo cáo, thống kê, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về Internet.
- Bộ Công an chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet bao gồm: trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh thông tin trong hoạt động Internet; chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành liên quan, với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp viễn

thông, Internet tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an ninh quốc gia và phòng, chống tội phạm đối với hoạt động Internet; kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định pháp luật về đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet theo thẩm quyền; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế trong việc đảm bảo an ninh thông tin trên lĩnh vực Internet.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính để thúc đẩy trong việc sử dụng Internet trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn việc thực hiện quy định về phí, lệ phí liên quan đến Internet.
- Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về mặt mã dân sự đối với các thông tin cần được bảo mật trong các hoạt động thương mại, dân sự trên Internet.

Mặc dù đã có sự “phân công” cụ thể cho các cơ quan, ban ngành nhưng cũng cần phải thừa nhận sự phát triển của Internet là xu thế tất yếu, không thể cưỡng lại thì về nguyên tắc phải xác định “sống chung” với nó, vì thế, quan điểm xuyên suốt và nhất quán phải là: Quản lý phải theo kịp sự phát triển. Để thực hiện được điều này không hề đơn giản, bởi lẽ, Internet là công nghệ mới, phát triển với tốc độ chóng mặt, là môi trường mở mang tính toàn cầu, hướng tới tự do cho cộng đồng mà không bị giới hạn về địa lý, lãnh thổ. Và nếu thừa nhận Internet đang thể hiện ngày càng rõ nét đặc trưng của một xã hội ảo, phản ánh ngày càng toàn diện các hoạt động của đời sống thật, thì rõ ràng chỉ Bộ Thông tin và Truyền thông cùng với Bộ Công an là không thể quản lý có hiệu quả được. Bởi lẽ, để quản lý xã hội thực hiện nay, chúng ta đang có tới 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ và hệ thống chính quyền hành chính 4 cấp, với hàng triệu công chức, viên chức. Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức đầy đủ rằng, để quản lý Internet (tức là quản lý xã hội ảo) một cách hữu hiệu, theo hướng tích cực, cần có sự chung tay tham gia vào cuộc của nhiều Bộ, ngành, nhiều tổ chức xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được pháp luật quy định. Thời gian qua, bên cạnh sự vào cuộc quyết liệt

Bộ Thông tin và Truyền thông cùng với Bộ Công an, rõ ràng nhận thức về trách nhiệm và sự phối hợp của các Bộ, ngành khác còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quản lý lĩnh vực này cũng đòi hỏi phải được bổ sung, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự phát triển và yêu cầu quản lý. Đến nay, mặc dù hệ thống văn bản điều chỉnh các hoạt động liên quan đến việc cung cấp, sử dụng thông tin trên Internet đã được ban hành, được bổ sung, điều chỉnh khá nhiều, nhưng trên thực tế vẫn còn bộc lộ những bất cập, chưa đồng bộ, chưa theo kịp sự phát triển và thiếu các quy định cụ thể để phân định rõ ràng, chính xác các hành vi vi phạm pháp luật. Về nguyên tắc, doanh nghiệp và người dân được làm tất cả những điều pháp luật không cấm. Vấn đề khó khăn trong việc xây dựng và áp dụng chính sách pháp luật là do tính chất mở và không biên giới của Internet. Để ban hành được “những điều cấm” trong quản lý Internet đã là khó khăn, phức tạp, nhưng để thực hiện được “những điều cấm” đó lại càng khó khăn bội phần, không chỉ vì tính chất của công nghệ mà còn vì những vấn đề mang tính chính trị.

Một hành vi trên Internet có thể vi phạm pháp luật của nước này, nhưng lại là được phép ở một quốc gia khác, vì vậy việc xử lý vi phạm, yêu cầu gỡ bỏ thông tin sai trái trên môi trường mạng cũng bị giới hạn, chỉ có tác dụng nhất định khi người vi phạm, hành vi vi phạm xảy ra ở quốc gia đó.

Để đảm bảo quyền tự do ngôn luận của công dân được thực hiện cũng như tiếp cận thông tin trên Internet và ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu cần thực thi một chế độ trách nhiệm pháp lý nghiêm minh và kịp thời, trên nguyên tắc, các thông tin được đưa ra phải đảm bảo tôn trọng sự thật khách quan, đồng thời những thông tin đó không được xâm phạm đến lợi ích chính đáng của người khác không xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức xã hội.

Nhà nước cần xử lý mạnh các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin trên mạng Internet. Trách nhiệm pháp lý là một biện pháp cần thiết và có tác dụng trong đấu tranh phòng, chống việc thực hiện thái quá quyền tự do ngôn luận. Quyền tự do ngôn luận sẽ được thực hiện tốt hơn trong một xã hội lành mạnh. Vì vậy, một môi trường tốt cho việc thực hiện quyền tự do ngôn luận và tiến hành quản lý nhà nước đối với các thông tin trên mạng trong giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội cần phải được tạo lập

và hoàn thiện. Đây là nhiệm vụ lâu dài và cần thiết để quyền tự do ngôn luận thực sự được đảm bảo thực hiện trong thực tiễn.

Khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo tốt hơn quyền tự do ngôn luận, và đặc biệt là quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội chúng ta cần phải xem xét nhằm nội luật hóa tốt hơn Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị cũng như nhằm làm chi tiết hơn các điều khoản về quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013.

Về khung pháp lý, hiện nay, hoạt động của mạng xã hội đang được điều chỉnh bởi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và chế tài xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Như vậy, cơ sở pháp lý về quyền và nghĩa vụ trong việc cung cấp thông tin, tiếp cận thông tin, sử dụng và phát tán thông tin ở Việt Nam chưa nhiều.

Khi chưa ra đời, Dự thảo Luật Tiếp cận thông tin được hi vọng sẽ đưa mạng xã hội vào phạm vi điều chỉnh của mình bằng việc uy định những đối tượng có trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin, tiếp cận, sử dụng và phát tán thông tin như cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và công dân,... đi kèm là những quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ; xây dựng cơ chế minh bạch, công khai và bình đẳng cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan cung cấp và sử dụng thông tin Internet, mạng xã hội; chế tài nghiêm minh, kịp thời để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về thông tin trên Internet và mạng xã hội. Luật Tiếp cận thông tin sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân. Trọng tâm của đạo luật sẽ giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa quản lý thông tin nói chung và quyền tự do ngôn luận của công dân, trong đó, vị trí của quyền tự do ngôn luận của công dân phải được đặt lên hàng đầu.

Sáng ngày 6/4/2015, Quốc hội thông qua Luật Tiếp cận thông tin gồm 5 chương 37 điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018. Tuy nhiên, Luật Tiếp cận thông tin lại không “nhắc đến” mạng xã hội. Trong khi đó, cần thừa nhận các trang mạng xã hội đã



soán ngôi của truyền hình truyền thống như tivi và trở thành công cụ tiếp cận thông tin chính của giới trẻ. Đây là kết quả khảo sát mới được Viện nghiên cứu báo chí của hãng tin Reuters công bố.

Khảo sát này được thực hiện với 50.000 thanh niên ở 26 quốc gia. 28% số người được hỏi coi mạng xã hội là nguồn thông tin chính, trong khi chỉ có 24% thanh niên cập nhật tin tức qua tivi. Cũng theo nghiên cứu này, mạng xã hội là công cụ tiếp cận thông tin của 51% số người sử dụng Internet. Điều đó cũng có nghĩa là trang mạng xã hội lớn nhất thế giới hiện nay - Facebook đang trở nên quyền lực nhất trong thế giới tin tức. Ngày càng nhiều người sử dụng mạng xã hội để cập nhật tin tức khiến cho việc kiếm tiền từ ngành kinh doanh báo chí trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là truyền hình truyền thống mất hết "ánh hào quang". Khả năng sản xuất những câu chuyện có sức nặng được coi là nhân tố then chốt giúp các phương tiện truyền thông truyền thống thu hút độc giả trực tuyến. [46]

Bên cạnh đó, Quyền tiếp cận thông tin phải bao gồm ba yếu tố hợp thành (ba quyền cấu thành) đó là quyền tiếp nhận thông tin, quyền tìm kiếm thông tin và quyền phổ biến, chia sẻ thông tin. Nguyên tắc này hàm ý rằng phạm vi điều chỉnh của luật cần tiệm cận với những tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, mà cụ thể là với nội dung điều 19(2) Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị mà Việt Nam là một thành viên. Cách tiếp cận như vậy tạo thuận lợi cho nhà nước trên nhiều khía cạnh, trong đó bao gồm khía cạnh bảo đảm sự tuân thủ các nghĩa vụ và cam kết quốc tế. Trên thực tế, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam đã có những quy định đề cập đến cả ba quyền kể trên, hay nói cách khác, đã tiếp cận theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này. [6, tr.13]

Trong môi trường mạng xã hội hiện nay, người dùng có thể dễ dàng tiếp nhận thông tin, quyền tìm kiếm thông tin và quyền phổ biến, chia sẻ thông tin. Đó chính là lợi thế rõ ràng của mạng xã hội. Vì vậy việc đưa mạng xã hội bổ sung vào Luật Tiếp cận thông tin là việc cần thiết.

Không chỉ có Dự thảo Luật tiếp cận thông tin, Dự thảo luật báo chí cũng đưa mạng xã hội vào phạm vi điều chỉnh. Theo đó, Dự thảo luật quy định người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam khi đăng thông tin có tính chất báo chí trên mạng xã hội do

tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp phải tuân thủ các quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan của Việt Nam. Tuy nhiên, cuối cùng Luật Báo chí 2016 đã không điều chỉnh mạng xã hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng, trang thông tin điện tử tổng hợp có người xuất bản, biên tập, chịu trách nhiệm và phải có giấy phép. Mạng xã hội lại hoạt động trong môi trường ảo, thường không có người chịu trách nhiệm. Do đó, dự thảo luật bổ sung một số quy định phù hợp với đặc điểm của trang thông tin điện tử tổng hợp, còn mạng xã hội vẫn để các văn bản pháp luật khác điều chỉnh (nghị định 72 và 174 năm 2013).[47]

Vì thế, trước yêu cầu đòi hỏi phải có bộ luật đưa mạng xã hội vào “tầm ngắm”, Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời gian tới sẽ tổ chức đánh giá, tổng kết việc thi hành Nghị định 72/2013/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Bộ sẽ kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý hoạt động của thông tin trên mạng nói chung và mạng xã hội nói riêng và xem xét có thể đưa vào chương trình xây dựng thành Luật ngay trong nhiệm kỳ XIV của Quốc hội, để có thể tạo ra hàng lang pháp lý đầy đủ, phù hợp.[48]

Ngoài ra, mạng xã hội tạo ra một hệ thống trên nền tảng Internet cho phép người dùng giao lưu và chia sẻ thông tin một cách hiệu quả không phân biệt không gian và thời gian. Những tính năng như chat, email, voice chat, phim ảnh, blog, file... cho phép cư dân mạng chia sẻ một cách nhanh chóng thông tin. Chính vì những đặc tính siêu việt đó, mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong xã hội thông tin và trở thành một quyền lực đối với xã hội.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Trương Minh Tuấn Khẳng định: “Chúng ta không thể biết vài chục năm nữa, công nghệ thông tin sẽ phát triển tới mức độ nào nhưng chắc chắn trong tương lai những công cụ như mạng xã hội sẽ chiếm lĩnh ưu thế thông tin. Quy hoạch báo chí Toàn quốc đến năm 2025 xác định báo điện tử và mạng xã hội đóng vai trò chủ đạo, đó là tầm nhìn chiến lược.” [50]

### ***3.2.2. Tăng cường các biện pháp kỹ thuật***

Về công nghệ, kỹ thuật, có thể thấy kỹ thuật kết nối của Internet tạo ra một không gian mạng không có biên giới. Công nghệ giám sát hiện nay chưa thể ngăn chặn hoàn toàn, và truy nguyên nguồn gốc các thông tin độc hại nếu không có sự phối hợp

đa quốc gia vì người dùng, đối tượng phát tán thông tin (user) có thể truy cập đến những trang thông tin mình muốn bằng cách sử dụng máy chủ (server) ở quốc gia khác hoặc sử dụng công nghệ mạng riêng ảo (VNP) cũng như các phần mềm vượt tường lửa như Tor, Ultrasurf... Về mặt công nghệ, nhiều quốc gia đưa ra nhiều biện pháp kỹ thuật mới để ngăn chặn các luồng thông tin độc hại. Đặc biệt, Trung Quốc đã đầu tư nhiều triệu USD để xây dựng hệ thống tường lửa nhằm kiểm soát chặt chẽ các trang web, trang mạng xã hội trước những luồng thông tin xấu liên quan đến Đảng Cộng sản và giới lãnh đạo. Mặt khác, Trung Quốc tăng cường việc vô hiệu hóa các phần mềm chống kiểm duyệt, vượt tường lửa. Mỹ xây dựng các hệ thống nghe lén, phân tích, giám sát các thông tin trao đổi bằng các thiết bị kỹ thuật số thông qua mạng Internet trên toàn thế giới. [3]

Để có thể làm được như vậy, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở nước ta cần kết hợp với các cơ quan, đơn vị an ninh mạng, với các nhà cung cấp dịch vụ xây dựng các phần mềm (firewalls) để lọc/chặn hoặc gây khó khăn trong việc truy cập các nội dung phản văn hóa, đồi trụy, những nội dung mang tính chống phá, những thông tin nhạy cảm. Giải pháp này thường tạo tâm lý chán nản cho người dùng Internet.

Ngoài ra, Việt Nam cần phát triển các đơn vị an ninh thông tin công nghệ cao có trình độ chuyên môn cao về mạng máy tính, về Internet; được trang bị máy móc, thiết bị công nghệ thông tin hiện đại có khả năng giám sát, phát hiện những tài khoản mạng xã hội có số lượng truy cập lớn, những tài khoản có sự tăng đột biến số lượng truy cập; có khả năng truy tìm thông tin, xác định địa chỉ cung cấp thông tin, xác định giải pháp bảo mật thông tin của các tài khoản có nội dung sai trái, phản động.

Đồng hành với đó, Việt Nam cần tuyển dụng, đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi về công nghệ thông tin, có khả năng thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kỹ thuật đặc biệt, như tấn công, xâm nhập các tài khoản mạng xã hội có nội dung sai trái, phản động. Những biện pháp tấn công kỹ thuật này không chặn đường truyền hoặc giảm băng thông truy cập vào các tài khoản mạng xã hội có nội dung sai trái, phản động nhưng tạo ra bằng kỹ thuật một lượng truy cập ảo rất lớn làm cho người dùng Internet không thể truy cập vào các trang cá nhân này.

### ***3.2.3. Tăng cường các biện pháp giáo dục, tuyên truyền***

Do tính mở của công nghệ, tính hai mặt của thông tin trên Internet và do nhu cầu tất yếu sử dụng dịch vụ và nội dung thông tin trên Internet, các giải pháp pháp quản lý phải hướng tới việc phát huy những mặt tích cực, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực của Internet; các biện pháp cấm đoán cực đoan bằng hành chính và kỹ thuật chỉ mang lại hiệu quả hạn chế. Vì vậy, chính sách quản lý mạng xã hội phải là sự kết hợp đồng bộ nhiều nhóm giải pháp, bao gồm cả giải pháp hành chính, giải pháp kỹ thuật và giải pháp tuyên truyền giáo dục, trong đó tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người sử dụng Internet là giải pháp thường xuyên, liên tục, lâu dài và đóng vai trò chủ đạo để người dùng Internet từng bước thích ứng một cách tích cực với môi trường mạng, biết sàng lọc thông tin xấu, tiếp nhận thông tin hữu ích. [1]

Về các biện pháp mang tính tư tưởng, giáo dục, các cơ quan, đoàn thể (như Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Đoàn Thanh niên...), các chuyên gia truyền thông bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục hoặc các biện pháp tư tưởng khác để định hướng giúp người sử dụng Internet, mạng xã hội (nhất là giới trẻ) có được sự chọn lọc, đánh giá thông tin một cách đúng đắn, từ đó tìm cách sử dụng phù hợp.

Đây là giải pháp có ý nghĩa then chốt và lâu dài, nhằm nâng cao dân trí một cách toàn diện, để mỗi người dân trở thành bộ lọc thông tin, trở thành người phản bác thông tin xấu một cách hiệu quả cho chính mình và cộng đồng. Giải pháp này mang tính tuyên truyền và giáo dục, đòi hỏi phải xây dựng một đề án thông tin riêng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, đời sống, trình độ nhận thức và điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Đặc biệt tránh kiểu lý luận mang tính giáo điều, xa rời thực tiễn cuộc sống.

Ngoài ra, cần huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, phối hợp trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng với các tổ chức, đoàn thể, giữa gia đình và nhà trường, giữa ý thức cá nhân với các phong trào mang tính cộng đồng hướng tới một văn hóa Internet lành mạnh, đóng góp ngày càng tích cực và hiệu quả vào sự phát triển của toàn xã hội.

Để làm được như vậy, cần định hướng và tổ chức thông tin tuyên truyền phù hợp với lứa tuổi, trình độ nhận thức, nghề nghiệp. Những nội dung thông tin tuyên

truyền cần có tính định hướng đối tượng với phương thức truyền tải thông tin phù hợp. Sử dụng đồng thời thông tin tuyên truyền trên báo chí và thông tin cổ động. Đặc biệt phát huy vai trò thông tin cổ động đối với đồng bào dân tộc, người dân ở vùng sâu, vùng xa, nơi trình độ dân trí còn hạn chế.

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền Thông – Trương Minh Tuấn: Ý thức người sử dụng mạng xã hội và thiết bị trực tuyến của chúng ta còn thấp. Đây là vấn đề đạo đức xã hội nên kêu gọi cộng đồng chung tay xây dựng bộ quy tắc đạo đức những người sử dụng mạng xã hội. Thiết bị công nghệ ngày càng thông minh thì người sử dụng phải văn minh để tránh xu hướng lạm dụng gây ảnh hưởng đến xã hội.[79] Vì thế, các công dân mạng, cùng nhau xây dựng văn hóa mạng và các chuẩn mực đạo đức của công dân mạng là rất cần thiết. Về vấn đề này, trả lời Báo Nhân dân, Tiến sỹ Nguyễn Sĩ Dũng - Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội) cho rằng: Tại sao chúng ta sẵn sàng ném đá không thương tiếc một hoa hậu ngũ chưa đúng cách, thì lại thờ ơ với các hành vi tung clip đồi trụy hoặc các thông tin bịa đặt, vu khống trên mạng để bêu xấu người khác?! Ngoài ra, cẩn trọng và cẩn trọng hơn nữa nên là cách hành xử của các công dân mạng. Lời nói gió bay, nhưng đã tung bất cứ thứ gì lên mạng thì “gió không bay”. “Trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia “mạng” vẫn còn tro tro”. Về phía các nhà mạng, cảnh báo về các chuẩn mực đạo đức mà nhà mạng đòi hỏi là cần thiết. Ngoài ra, loại bỏ các tranh ảnh đồi trụy, các clip sex cũng là việc nên làm. Việc này có thể làm phát sinh chi phí, nhưng bù lại sự an toàn lại thu hút nhiều khách hàng hơn. [49]

Do đối tượng sử dụng mạng xã hội nhiều nhất là giới trẻ, nên cần nghiên cứu để xây dựng những sân chơi lành mạnh cho giới trẻ để vừa kết hợp được những thế mạnh của môi trường Internet và mạng xã hội. Đây chính là môi trường lý tưởng để giáo dục ý thức cho người sử dụng Internet, đặc biệt là thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên có ý thức tự bảo vệ mình và trở thành bộ lọc thông tin, hướng dẫn những người chung quanh nhận biết, sàng lọc các thông tin xấu, thông tin độc hại và bản thân họ tự ý thức về trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước, xã hội trước khi đưa ra bất cứ phát ngôn hoặc phát tán các loại thông tin, tài liệu nào trên mạng xã hội, Internet.

Đảm bảo quyền tự do ngôn luận của công dân được thực hiện cũng như tiếp cận thông tin trên Internet và ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, cần xác định rõ bên cạnh việc đề cao trách nhiệm chính trị và đạo đức của người dân, cần thực thi một chế độ trách nhiệm pháp lý nghiêm minh và kịp thời, trên nguyên tắc, các thông tin được đưa ra phải đảm bảo tôn trọng sự thật khách quan, đồng thời những thông tin đó không được xâm phạm đến lợi ích chính đáng của người khác không xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, Nhà nước cần xử lý mạnh các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin trên mạng Internet. Trách nhiệm pháp lý là một biện pháp cần thiết và có tác dụng trong đấu tranh phòng, chống việc thực hiện thái quá quyền tự do ngôn luận. Chính điều này sẽ trở thành cách giáo dục về tư tưởng của người dân hiệu quả nhất.

Ngoài cần có biện pháp đấu tranh lý luận trực diện. Nói cách khác, đây là cách dùng lý luận để phản tuyên truyền trên các thông tin sai trái, phản động trên mạng xã hội, kết hợp với mặt trận truyền thông chính thống với các bài viết mang tính lý luận và thực tiễn cao để đấu tranh trực tiếp với các lý luận phản động.

Đây là giải pháp trực tiếp, quan trọng, tác động trực tiếp đến các tầng lớp trí thức, có trình độ xã hội, nhìn nhận lý luận ở góc độ học thuật, góc độ thực tiễn để xem xét tính xác thực của lý luận. Đặc biệt chú ý đội ngũ các trí thức bao gồm các nhà khoa học, các nhà báo, các văn nghệ sỹ, học sinh, sinh viên.

Để thực hiện được biện pháp đấu tranh lý luận trực diện cần nhiều yếu tố, đó là: Xây dựng và phổ biến định kỳ các bộ tài liệu về các quan điểm và lý luận chính thống để làm cơ sở lý luận giúp các nhóm chuyên gia và các lực lượng truyền thông đấu tranh trực diện phản bác các thông tin sai trái, phản động; Hình thành đội ngũ chuyên gia đấu tranh lý luận theo nhóm, theo chuyên đề, theo lĩnh vực, do Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo trực tiếp; Đưa bài viết phản bác trực tiếp vào phần “bình luận” của thông tin sai trái, phản động; Mở các chuyên trang, chuyên mục trên hệ thống truyền thông chính thống để phản bác các thông tin sai trái, phản động; đặc biệt nhấn mạnh vai trò của báo điện tử; Sự lên tiếng một cách hợp lý của các tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, của lực lượng kiều bào yêu nước.

### **Kết luận Chương 3**

Thực tế ghi nhận, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền quan trọng của con người. Bên cạnh các quy định về quyền tự do ngôn luận, pháp luật Việt Nam cũng quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà nước cũng như của công dân. Tuy nhiên, cần nhìn nhận khách quan, khung pháp lý điều chỉnh các hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội chưa nhiều, vì thế nên những phát ngôn trên mạng xã hội nhiều lúc bị hình sự hóa, gây ra nhiều vụ bắt bớ, bỏ tù những người bất đồng chính kiến hoặc có những quan điểm khác với nhà cầm quyền. Ngoài ra, cách quản lý với sự thiếu chuyên sâu về mặt kỹ thuật đã khiến Việt Nam lâm vào tình trạng không “quản” được thì “cấm”. Ngoài ra, rất nhiều tầng lớp, đặc biệt là giới trẻ do thiếu sự định hướng, giáo dục, tuyên truyền đang là tác nhân dẫn đến việc lạm dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội và đặc biệt là xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm người khác. Để đảm bảo quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội, nhóm giải pháp mà Việt Nam cần hướng đến là Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, Tăng cường các biện pháp kỹ thuật và Tăng cường các biện pháp giáo dục, tuyên truyền. Các giải pháp này cần phải được thực hiện đồng bộ, có sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành để mang lại tính hiệu quả cao nhất.

## KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng giới hạn của quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội là một trong những quyền con người cơ bản, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, người dùng có thể đăng tải bài viết, hình ảnh, video... nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc của luật nhân quyền quốc tế. Cụ thể, các nội dung mà thành viên mạng xã hội đăng tải không được gây ảnh hưởng đến: các lợi ích an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hay an toàn công cộng; ngăn ngừa rối loạn, tội phạm, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức; bảo vệ danh dự và quyền của người khác; ngăn ngừa tiết lộ thông tin mật, hay duy trì quyền lực và tính công bằng của tư pháp.

Thực tế trên cho thấy ở Việt Nam sự phát triển của hệ thống mạng xã hội không chỉ để giúp nhân dân thỏa mãn nhu cầu văn hóa, mở mang và trau dồi tri thức, mà trở thành diễn đàn với nhiều hình thức phong phú, sinh động để các tổ chức xã hội, mọi người dân có tiếng nói, đóng góp ý kiến, thậm chí phản biện, đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước, và của các cấp chính quyền..

Việc quản lý mạng xã hội nằm trong phần quản lý về Internet và nội dung Internet, do vậy các cơ quan liên quan bao gồm: đứng đầu là Bộ Thông tin và Truyền thông, sau đó đến các bộ - ban - ngành như Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trách nhiệm và vai trò của các bộ - ban - ngành được quy định trong Điều 5 Nghị định 97/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

Cùng với việc quản lý Internet và nội dung Internet, Nhà nước ta cũng đã ban hành những quy định pháp luật mà các mạng xã hội trực tuyến cũng phải tuân thủ để đảm bảo an ninh, đạo đức, thương mại và xã hội (thông tin, chia sẻ thông tin, liên kết) trên Internet.

Kết quả nghiên cứu luận văn cho thấy Việt Nam đang gặp phải những hạn chế trong việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội. Có những hạn chế do nguyên nhân con người như việc đăng tải các nội dung xấu, cũng có những hạn chế đến từ hệ thống pháp luật khi chưa thực sự cập nhật được sự phát triển chóng mặt của



thời đại truyền thông số, thời đại của mạng xã hội, khi người dùng đều có thể dễ dàng tiếp cận và lạm dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội. Luận văn đưa ra những giải pháp cụ thể, nhằm góp phần hoàn thiện hơn việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận thông qua mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay đó là:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật: Các cơ quan, ban ngành cần phải thừa nhận sự phát triển của Internet là xu thế tất yếu, không thể cưỡng lại thì về nguyên tắc phải xác định “sống chung” với nó, vì thế, quan điểm xuyên suốt và nhất quán phải là: Quản lý phải theo kịp sự phát triển. Vì vậy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quản lý lĩnh vực này cũng đòi hỏi phải được bổ sung, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự phát triển và yêu cầu quản lý.

- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật: Để có thể làm được như vậy, Việt Nam cần phát triển các đơn vị an ninh thông tin công nghệ cao có trình độ chuyên môn cao về mạng máy tính, về Internet. Đồng hành với đó, Việt Nam cần tuyển dụng, đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi về công nghệ thông tin, có khả năng thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kỹ thuật đặc biệt, như tấn công, xâm nhập các tài khoản mạng xã hội có nội dung sai trái, phản động.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục, tuyên truyền: Trong đó tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người sử dụng Internet là giải pháp thường xuyên, liên tục, lâu dài và đóng vai trò chủ đạo để người dùng Internet từng bước thích ứng một cách tích cực với môi trường mạng, biết sàng lọc thông tin xấu, tiếp nhận thông tin hữu ích. Đây là giải pháp có ý nghĩa then chốt và lâu dài, nhằm nâng cao dân trí một cách toàn diện, để mỗi người dân trở thành bộ lọc thông tin, trở thành người phản bác thông tin xấu một cách hiệu quả cho chính mình và cộng đồng.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Vĩnh Bảo; Cục trưởng Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình; Tham luận: “Một số vấn đề cần quan tâm trong công tác quản lý Nhà nước về thông tin điện tử trên internet và mạng xã hội.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương; Công văn số 7515-CV/BTGTW về “tuyên truyền trong nội bộ và định hướng đấu tranh với những luận điệu sai trái, thù địch trên Internet”
3. Bộ Thông tin – Truyền thông; Báo cáo: Giải pháp ngăn chặn của một số nước đối với các luồng thông tin xấu, xuyên tạc trên không gian mạng và kiến nghị đối với Việt Nam.
4. Đỗ Quý Doãn; Báo Nhân dân ngày 20/01/2012; “Một số vấn đề trong công tác quản lý nhà nước về thông tin trên internet”.
5. Nguyễn Khắc Giang; Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 31, Số 1 năm 2015; “Ảnh hưởng của truyền thông xã hội đến môi trường báo chí Việt Nam”.
6. PGS.TS Vũ Công Giao; “Cơ chế và việc hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các cơ quan Nhà nước ở Việt Nam”.
7. Chu Thị Thúy Hằng; Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, tập 31 số 3 năm 2015; “Việt Nam với việc nội luật hóa quy định của pháp luật quốc tế về quyền tự do ngôn luận”.
8. Nguyễn Khải; Báo Bưu điện Việt Nam số 155 ra ngày 26/12/2012; “Quản lý mạng xã hội, blog sẽ rất "nóng" trong năm 2013”
9. Nguyễn Linh Khiếu; Tạp Chí Triết Học số 6 năm 2009; “Trách nhiệm xã hội của báo chí Việt Nam hiện nay”
10. Khoa Luật, ĐHQGHN; Báo cáo nghiên cứu khoa học: “Một số vấn đề về quyền con người liên quan tới tội tuyên truyền chống nhà nước”.
11. Khoa luật ĐHQGHN; Nxb Hồng Đức năm 2015; “Giới hạn chính đáng đối với các quyền con người, quyền công dân trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”.

12. Khoa luật ĐH QGHN; Nxb Hồng Đức năm 2015; “Giới hạn chính đáng đối với các quyền con người, quyền công dân trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”.

13. Khoa Luật ĐH QGHN; Nxb Hồng Đức năm 2011; “Hỏi đáp về quyền con người”.

14. Khoa luật ĐH QGHN; Nxb Hồng Đức năm 2015; “Giới hạn chính đáng đối với các quyền con người, quyền công dân trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”.

15. GS.TS Trần Hữu Luyến - Th.S Đặng Hoàng Ngân; Tạp chí Tâm lý học số 184 năm 2014; “Mạng xã hội: Khái niệm, đặc điểm, tính năng, áp lực và ý nghĩa trong thực tiễn và nghiên cứu”.

16. Huỳnh Phan , “Góc nhìn của nước ngoài về Nghị định 72/2013”, nguồnAsia Sentinel (14/8/2013); Bản điện tử <http://danluat.thuvienphapluat.vn/goc-nhin-cua-nuoc-ngoai-ve-nghi-dinh-72-2013-99395.aspx>

17. Trần Đại Quang; Nxb Công an Nhân dân năm 2015; “Không gian mạng – Tương lai và hành động”.

18. ThS. Quyên Thị Quyên; ThS Vũ Thị Thùy Dung; Tạp chí Quản lý Nhà nước – số 209 năm 2013) “Mạng xã hội và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước”.

19. Phí Thị Thanh Tâm; Luận án “Hoàn thiện pháp luật về báo chí ở Việt Nam hiện nay”.

20. Terri Willard, “Social Networking and Governance for Sustainable Development” – Tháng 3/2009, trang 5. (bản điện tử tại: [http://www.iisd.org/pdf/2009/social\\_net\\_gov.pdf](http://www.iisd.org/pdf/2009/social_net_gov.pdf)

### **Website**

21. <http://ictnews.vn/internet/facebook-youtube-twitter-va-microsoft-ky-bo-quy-tac-ung-xu-moi-tren-internet-138869.ict>

22. <http://tapchiquptd.vn/zh/an-pham-tap-chi-in/ve-quyen-tu-do-ngon-luan-tu-do-bao-chi-trong-thoi-ky-doi-moi-o-nuoc-ta/2121.html>

23. <http://chuyentrang.tuoiitre.vn/vieclam/Index.aspx?ArticleID=516689&ChannelID=16>

24. <http://nguoilambao.vn/chu-dong-ngan-chan-day-lui-thong-tin-xau-doc-tren-internet-va-mang-xa-hoi-n2446.html>

25. <http://ictnews.vn/internet/viet-nam-vao-top-20-quoc-gia-co-nhieu-nguoi-dung-internet-nhat-104171.ict>
26. <http://sohoa.vnexpress.net/tin-tuc/doi-song-so/nguoi-viet-danh-trung-binh-2-5-tieng-moi-ngay-tren-facebook-3234660.html>
27. <http://plo.vn/thoi-su/xa-hoi/mang-xa-hoi-len-ngoi-bao-chi-cung-cap-giao-trinh-toi-pham-596899.html>
28. <http://vietnamnet.vn/vn/giai-tri/13907/hoang-anh-lang-ma-hong-anh-tren-facebook.html>
29. <http://www.vtc.vn/hoang-anh-da-loi-dung-quyen-tu-do-ngon-luan-d34494.html>
30. <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/276597/va-o-tu-vi-lap-facebook-noi-xau-csgt.html>
31. <http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20151121/nganh-giao-duc-chau-doc-cam-like-mot-so-chuyen-tren-facebook/1006720.html>
32. <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20151124/chau-doc-thu-hoi-van-ban-cam-like-tren-facebook/1008781.html>
33. <http://news.zing.vn/cam-like-tren-facebook-vi-pham-quyen-dan-chu-cua-cong-dan-post603328.html>
34. <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/nu-giao-vien-che-chu-tich-tinh-tren-facebook-bi-phat-5-trieu-dong-3312433.html>
35. <http://thanhvien.vn/thoi-su/phat-nguoi-che-chu-tich-tinh-tren-facebook-xu-nhu-vay-la-khong-chap-nhan-duoc-636613.html>
36. <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/item/29076102-truyen-thong-xa-hoi-voi-co-quan-quan-ly-nha-nuoc.html>
37. <http://vneconomy.vn/thoi-su/thong-qua-luat-bao-chi-khong-luat-hoa-quyen-dung-mang-xa-hoi-20160405110448273.htm>
38. <http://www.vietnamplus.vn/nhung-ly-do-khien-mang-xa-hoi-khong-duoc-quy-dinh-trong-luat-bao-chi/378473.vnp>
39. <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/295272/khong-dieu-chinh-mang-xa-hoi-theo-luat-bao-chi.html>

40. <http://baodautu.vn/tranh-luan-viec-luat-hoa-trang-mang-xa-hoi-trang-thong-tin-dien-tu-trong-luat-bao-chi-d39744.html>
41. <http://baodautu.vn/tranh-luan-viec-luat-hoa-trang-mang-xa-hoi-trang-thong-tin-dien-tu-trong-luat-bao-chi-d39744.html>
42. <http://anninhthudo.vn/thoi-su/dang-tin-that-thiet-len-facebook-se-bi-xu-ly-nghiem/668304.antd>
43. <http://www.dangcongsan.vn/phap-luat/can-co-che-tai-manh-nham-xu-ly-nghiem-hanh-vi-tung-tin-don-that-thiet-388491.html>
44. <http://haiphong.gov.vn/Portal/Detail.aspx?Organization=UBNDTP&MenuID=9213&ContentID=57965>
45. <http://vtv.vn/thi-truong/mang-xa-hoi-soan-ngoi-truyen-hinh-chinh-thong-20160615165909701.htm>
46. <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/295272/khong-dieu-chinh-mang-xa-hoi-theo-luat-bao-chi.html>
47. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/830194/se-xay-dung-luat-ve-quan-ly-thong-tin-tren-mang>
48. <http://www.nhandan.com.vn/hangthang/item/27071802-se-dieu-chinh-hanh-vi-nguoi-dung-mang-xa-hoi-theo-luat.html>
49. <http://www.nhandan.com.vn/hangthang/item/27071802-se-dieu-chinh-hanh-vi-nguoi-dung-mang-xa-hoi-theo-luat.html>